

TUAN BAO RA NGAY THU BAY

THANH-NH!

NGHI-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG. KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm : VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|--------------------|
| — Tín tưởng với a-tông | PHAN QUÂN |
| — Điều tra nhỏ: Một đồn điền
lớn ở Thái-nguyên | V. H. |
| — Học thuật và hành-dộng (Giải
lời cho bạn) | THANH TUYỀN |
| — Tiêu thuyết tàu | LÊ BÌNH CHÂN dịch |
| — Tổ chức xã-hội và kinh-tế ở
nước Đức - Chính sách nghiệp
đoàn | ĐỖ ĐỨC DỤC |
| — Sử liệu: Vua Gia-long với
nước Xiêm, nước Lạp | NGUYỄN THIỆU LÂU |
| — Bi kịch: Lối yù (Nguyên văn
của Tào Ngự - tiếp theo) | ĐẶNG THÁI MAI dịch |
| — Việc quốc tế | Đ. Đ. Đ. |

NĂM THỨ TƯ : SỐ 83 - NGÀY 16 SEPTEMBRE 1944

TÒA BÁO : 15 PHỐ HÀNG DA HANOI — Giá nôi : 19.43 — GIA 0 50

GIÁ BÁO. — BAC-KY. TRUNG-KY. NAM-KY. CAO-MIEN. LÃO 3 th 2\$00. 6 th 4\$00. 12 th 8\$00

Trong số 16 Septembre 1944

- Sinh kế và chí tự lập.
- Nghề chăn nuôi trâu bò ở xứ ta.
- Hiến-pháp Trung-hoa với chế-độ nghiệp-đoàn hiện đại.
- Vua Gia long với nước Xiêm, nước Lạp.
- Đoàn tử Quang.
- Nhận xét nhỏ về dân quê Bắc-kỳ.
- Tiểu thuyết Tàu.
- Lối văn.
- Vòng ngó đồng.

VŨ ĐÌNH HÒE
NGHIÊN XUÂN YÊM
PHAN ANH
NGUYỄN THIỆU LẬU
HOÀNG XUÂN MÃN
TÂN PHONG
LÊ ĐÌNH CHÂN dịch
ĐẶNG THÁI MAI dịch
NGUYỄN TUÂN

MỚI XUẤT BẢN

KINH DỊCH

MỘT BỘ SÁCH (cổ nhất Đông-phương
lạ nhất nhân loại)

Toàn bộ 5 cuốn dày ngót 2000 trang

*

Giấy thường. 30\$00
Giấy dó, hộp lụa. 75\$00
Giấy Bạch-minh-châu, hộp gấm (bê) . 200\$00
(Cước gửi 5\$00)

Thư và ngân phiếu xin gửi:
NHÀ IN MAI LĨNH HANOI

THANH NIÊN

= TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BẢY =
TƯ TƯỞNG - NGHỆ THUẬT - HOẠT ĐỘNG

TRONG SỐ 40 :

(ngày 16 Septemb्रे 1944)

Trai nước Nam làm gì? HOÀI VŨ
Một bản cáo trạng. TRIỆU TIN
Thơ và Trung. A.
Dựng ngữ hóa học (V). TRẦN ẬU
Mở mang bờ cõi. VŨ Đ. LIÊN
« Theo ánh sáng » (âm-nhạc). . . L. H. Đ.
Truyền bá vệ-sinh và tân-y-học. . HOÀI VŨ
Hội nghị Diên-hồng-IV HOÀNG MAI

GIÁ BÁO

6 tháng 11đ00 — 1 năm 20đ00
Mỗi số : 0đ50 — 3 tháng 6đ00
= GIÁ ỦNG HỘ TÙY BẠN ĐỌC =

BÁO MỚI

Chúng tôi được tin rằng số lâu tạp chí **VĂN MỚI**
NGHỊ LUẬN sẽ ra vào ngày 10 OCTOBRE 1944
VĂN MỚI NGHỊ LUẬN là một tạp chí xuất bản
hàng tháng, dày 120 trang, chuyên bàn về tất cả các

vấn đề trong lĩnh vực **VĂN HÓA** (học thuật, tư tưởng,
văn nghệ). Bộ biên tập có các ông: Nguyễn đức Quỳnh,
Nguyễn bách Khoa, Nguyễn văn Siêu, Lương đức
Thiệp, Nguyễn hải Âu, Đặng thái Mai, P. n. Khuê,
Nguyễn Tổ. Xin kính mừng bạn đồng nghiệp mới và
chúc **VĂN MỚI NGHỊ LUẬN** được trường cửu.

TIN TƯỞNG VỚI A TÔNG

PHAN QUẢN

Đó là hai thái độ rất khác nhau mà lại dễ lẫn nhau, nhất là trong khu vực chính trị.

Dễ lẫn nhau là về thái độ bề ngoài thì người tin tưởng với người a tông cũng hăng hái bênh vực, ý kiến của mình, mà hàng hái có khi đến cả thiên tư; và về hiệu quả của sự hăng hái ấy, thì có khi gặp may người a tông hành như cũng góp ít nhiều công lao vào một phong trào đường tiền bộ.

Nhưng thực ra, hai thái độ ấy khác nhau, khác đến nỗi gần như tương phản.

Người tin tưởng có kiên gan, có định kiến đã tin một lý tưởng, một chủ nghĩa thì gốc một lòng thủy chung như nhất, dầu vật đổi sao dời, họ vẫn thờ chủ nghĩa của họ. Kể a tông, như cái chong chong gió chiều nào xoay chiều ấy, rất hăng hái lần thành một tư trào đường thịnh mà cũng rất hăng hái đổi đảo phong trào ấy lúc nó đã gần suy.

Duyên do chong qua vì người tin tưởng vốn đã quan sát nhiều, suy nghĩ nhiều, kinh nghiệm nhiều rồi mới lựa chọn cho một chủ nghĩa, một lý tưởng. Còn kẻ a tông, thì hoặc vì tham lợi hoặc vì hiển danh, hay cũng có khi chỉ vì cảm tình chốc lát mà bỗng bột đưa theo một phong trào.

Người tin tưởng rất đáng quý. Vì tin tưởng không những là lũng chừng của một linh thần tự lập, cao thượng, mà tin tưởng còn là động lực của mọi sự tiến bộ: dầu là học thuật hay là hành động; mà dầu trong khi bênh vực ý kiến của mình người tin tưởng có vẻ thiên tư nữa thì sự thiên tư đó cũng dĩ nhiên, vì bất cứ ở trường hợp nào, người có tiền bộ phải chịu đôi phần «thiên tư».

Sự thiên tư, sự thái quá của người tin tưởng không có hại cho tư tưởng của họ và cũng không có hại cho người khác, vì vốn họ đã thận trọng suy xét, kinh nghiệm rồi mới lập luận: với sự đảm bảo cốt yếu ấy, giữa lùn sóng tư tưởng họ như có một thứ kim chỉ nam, họ chỉ đường cho người khác. Trái lại người a tông không có cơ bản ấy thì chỉ một niềm trời đạt theo trào lưu họ càng hăng hái bao nhiêu thì lại càng bị đắm chìm bấy nhiêu.

Cũng một thái độ mà một bên thì có lợi như thế một bên có hại như thế. Vậy làm sao mà phân biệt được?

Xem tiếp trang 26.

Một đồn điền lớn ở Thái-nguyên

V. H.

Cách tỉnh-lỵ Thái Nguyên chừng hơn 1 cây số trên đường đi vào châu Võ - Nhai, khách qua lại từ đằng xa đã phải chú ý tới một tòa lâu-dài ngạo nghễ, đứng trên một quả đồi khá cao cây cối um tùm. Một con đường xưa kia giải cứu, chạy quanh sườn đồi, rộng rãi và đầy bóng mát, làm lối cho ô-tô leo lên đỉnh để đưa vào cái tòa nhà hai tầng kia, dựng bằng xi-măng cốt sắt, có vườn hoa, có sân cao sây trên hầm, phòng khách, phòng ngủ, phòng hội hè, đèn điện, quạt trần, máy điện thoại, đồ đạc bày biện lộng lẫy như một dinh thự giữa một thành-phố xa-hoa. Đó là nơi ở của chủ-nhân ông một cái đồn điền vào bậc lớn nhất và lâu năm nhất trong vùng Thái Nguyên.

Đồn điền này lập nên đã hơn 30 năm nay, qua tay 6 chủ người Pháp và gần đây một thương-gia người Nam ở Haiphong mới mua được với cái giá 27 vạn bạc. Có 3000 mẫu ruộng, 300 con trâu, hàng vạn gốc cà-phê, trâu, chè, có đồi, núi đất, núi đá vôi, có rừng gỗ và cả rừng quế, dài rộng một bề chừng 6 cây số và một bề tới 20 cây, bề mặt tất cả ruộng bãi đồi núi phải tới ba bốn vạn mẫu ta. Dân phu trong ấy hợp thành 27 làng, mỗi làng, như hầu hết những làng ở mạn ngược, gồm mười, mười lăm nóc nhà, tất cả được khoảng 350 xuất đinh, nếu tính cả đàn bà, con trẻ, dân số có thể tới 1.500 người. Việc cai-trị trong các làng ấy do chủ ấp cầm đầu, viên này giao-thiệp với các nhà chức-trách về các việc như thu thuế đinh, tổ-chức tuần phòng, v. v. Mỗi làng bầu một quản xã, cũng gọi là lý-trưởng, tuy việc bầu cử và thừa hành chức vụ chỉ đặt dưới quyền kiểm sát trực tiếp của Chủ ấp.

Vị-trí của khu đồn điền này rất tiện lợi: con sông Cầu và một con đường cái đi xuyên qua và

nối với tỉnh-lỵ ở ngay cạnh đấy, chỉ cách chừng hơn 1 cây số. Gần đồi nhà ở, có những chuồng dài, rộng bằng gạch để nuôi bò, ngựa, có xưởng rang chè và chế cà-phê.

Người chủ ta, thạo xong giao với quản-lý cho một thanh-niên khỏe mạnh, nguyên là võ-sĩ quyền Anh, rồi sau một năm lại chọn một viên quản-lý khác, niên canh đã cao, một viên chức hưu-trí, có vẻ lành lợi và quắc thước, mới lên nhận việc được hơn một tháng

Người ta nói đến cái đồn điền này nhiều lắm, vì cái vẻ nguy nga, đồ sộ của nó,

Cũng tin trước như thế, tôi muốn biết cái ấp đó đã lập nên như thế nào, đã khai thác bằng những phương tiện gì để tới cái kết-quả to lớn ấy, — tôi muốn xem xét cách tổ-chức công việc khai khẩn trong ấp đó như thế nào và mong sẽ được mắt thấy những thực hành quý giá về giồng giọt, chăn nuôi, — tôi muốn biết rõ những nguồn lợi hàng năm hàng tháng so với những sự chi phí về công việc khai khẩn; — sau hết tôi muốn biết cảnh sống của bọn tá điền và phu giồng giọt mà tôi nghĩ tất ít ra không đến nỗi lam lũ như ở các khu đồn điền mới phá, vì lẽ đây là một đồn điền đã thành từ lâu và đã làm giàu cho những ông chủ.

Nhưng tôi đã **hoàn toàn thất vọng.**

Trước hết về điều thứ nhất, tôi đành xếp lại không thể hỏi dò được tí gì vì cái đồn điền này đã thay đổi chủ từng sáu, bảy lần; các ông chủ cũ ông thì đã chết, ông thì đi xa, còn ông chủ mới thì lại « mới » quá, chưa khám phá nổi lịch sử cải giaog sơn của mình.

Về điều thứ hai, tôi cứ tưởng tượng rằng ở một đồn điền to rộng như thế, có từng 3000 mẫu ruộng bãi, có đồi chè, đồi cà-phê, có rừng trâu, rừng gỗ, tất công việc làm ăn phải rơu ríp sầm uất, nào chỗ rang cà-phê, chỗ hái chè, chỗ vắt sữa, nào những khu rừng vang lên những tiếng đàn gỗ, những đôi cò với hàng trăm con bò, nào phu làm cỏ, phu hái sên, phu chặt cây, phu sả gỗ, thợ cấy, thợ cấy phải hằng bốn, năm trăm người làm không xuể. Thế mà trái hẳn, chúng tôi, mấy anh em đến thăm, rất ngạc nhiên khi đi qua những chuồng rộng thênh thang chứa độ vài chục con bò, dăm con ngựa, trông vào những sườn loáng thoảng ba bốn người hoặc trống không, và lần theo một con đường dốc «rêu lơ mờ xanh» để leo lên một tòa nhà rộng mênh mông chứa một cụ già, một cậu bé, một anh Cai, một chiếc xe hơi ngủ ở dưới hầm, bốn chân kê cao cho khỏi lạnh, và một con cừu trụi lông tha thân ngoài vườn! Trông xuống, một bên con sông Cầu dòng nước lơ lơ chảy, một bên, trên con đường bụi trắng thất thểu vài anh Thổ áo xanh.

Bốn bề u tịch, như ở một nơi nghỉ mát sau vụ hè, trong biệt thự của một chủ nhân ông tìm thú an nhàn!

Chúng tôi đi thăm vài nơi trong ấp. Len lỏi vào một con đường nhỏ rậm rạp, người Cai dẫn chúng tôi chỉ cho xem những bãi cà phê và những đồi chè: thật là một rừng cỏ; trông thật kỳ mới nhận được những cây cà phê đã to lắm, cao hơn đầu người, ngấp dưới những rọt cỏ dày; còn những cây chè thì biến hẳn trong những bụi cây dại chỉ chút. Rõ ràng là chủ-nhân, đã vài năm nay, bỏ hết những khu giống cà-phê và chè; vì hái sản vật này trong thời kỳ chiến tranh sụt hẳn giá bởi lẽ chè không xuất cảng được còn cà phê, thiếu đường cũng tiêu thụ rất kém, thành ra giá bán không đủ giả nhân công làm cỏ vun sới và sản chế.

Chủ-nhân, mua cái đồn điền này, chỉ trông vào mấy nghìn mẫu ruộng vì giá thóc hiện rất cao.

Mà trông về ruộng chủ nhân cũng không khai khẩn lấy một phần nào; bao nhiêu ruộng đều giao cho tá điền cấy rẽ, mỗi nhà năm mẫu; trâu cho tá điền thuê dùng xong vụ cấy bừa lại đem giả ông chủ; đến ngày mùa chủ-nhân thu thuế ruộng và thuế trâu mà tá điền phải nộp lảng thóc. Vì vậy nên công việc của chủ trong cái ấp này không còn có gì nữa. Người làm rút lại chỉ có ba người Cai, một người kiểm sát bọn tá điền và ngày mùa thu thóc, một người trông nom súc vật, một người trông nom các sườn. Sườn là nơi rang cà phê có mười người thợ (xưa kia có đến vài trăm người làm; theo lời người Cai hướng dẫn chúng tôi, đã làm ở đồn điền này từ lúc khởi thủy)

Hoa lợi?

— Chè: bỏ hẳn

— Cà-phê: hái ít lắm, mỗi tháng bán được khoảng 100\$00 (không có lãi vì công làm cao),

— Trâu: mỗi năm được chừng 10 tạ (?), bán được 600\$00. Số hạt hái được như thế thì ít quá; 10 tạ chỉ là số sản xuất của 7 hay 8 mẫu. Trong một đồn điền to như vậy, phải hái được ít ra vài trăm tạ mới có lý. Có phê giả hoa lợi về trâu, chủ nhân cũng bỏ không thu. Lỗi ở sự trông nom kém khuyết, chứ giá trâu, tuy không tăng lên được cao lắm nhưng không đến nỗi hạ quá đề không đủ tiền công hái như giá gấu hời (trước hời chiến tranh một lít dầu hời giả 8\$00 nay có 2\$00 vì không xuất cảng được, trong khi nhân công tăng lên gấp 5), cho nên trong vùng Lạng Sơn, dân Thổ thường bỏ quả hời rụng chứ không hái; dùng công để làm việc khác lợi hơn; hoặc đôi khi có hái thì bán quả chứ không cất thành dầu nữa).

— phân bón và bò con, trâu con.

Nhờ có chuồng chứa, nên phân của 30 con bò tích lại cứ sáu tháng bán đi một lần, thu vào được 80\$ (một năm 160\$00). Việc bán phân súc vật đi là một việc lạ lẫm trong một ấp giống giết vì có bao nhiêu phân mà chẳng phải dùng đến, nhất là có những thứ cây cần phân bón như lúa, cà phê!

Ba mươi con bò và 300 con trâu có thể mỗi năm sản thêm được 60 trâu, bò con, bán đi có thể thu được 6000\$.

— thuế củi.

Hàng ngày dân xung quanh vào lấy củi ở những rừng trong đồn điền cứ mỗi gánh củi gánh ra phải trả thuế 6\$10. Mỗi ngày có chừng 100 người vào lấy củi. Mỗi tháng thu được khoảng 300\$ thuế.

Đối với một đồn điền to như thế, những món hoa lợi ở trên không có nghĩa lý gì cả. Cái nguồn lợi chính và đồ sộ hiện nay là số thóc thu của tá điền. Trong 3000 mẫu ruộng, chỉ cấy được vào khoảng 2000 mẫu, còn 1000 mẫu bỏ hoang vì không đủ người và đủ trâu làm. Ruộng ở mạn ngược chỉ gặt được 1 tạ 5 một mẫu là cùng. Kê cả thuế ruộng lẫn thuế trâu, chủ có thể thu được 80 cân một mẫu, nghĩa là hàng năm thu được tất cả 1600 tạ cho là phải bán cho nhà nước một nửa, còn một nửa bán theo giá thị trường 60¢ một tạ, thì năm nay tiền bán thóc có thể được 64.000\$.

Số lợi tức về thóc, chia ra hàng tháng, có thể được là 5300\$. Nếu cộng cả những hoa lợi khác thì mỗi tháng có thể thu được vào khoảng 6500\$ và chi phí, (luong quản lý, công người làm) mất chừng 1000\$. Phần của chủ thu về là 5500\$300.

Đó là những con số tính phỏng chừng không chắc được đúng vì thiếu tài liệu rõ ràng về diện tích các khu ruộng giọt trong đồn điền cùng lượng số hoa lợi gặt hái được trong vụ năm ngoái. Ông quản lý mới lên nhận việc được hơn một tháng chỉ kịp xem sổ sách giấy má (theo lời ông nói) nên không giúp chúng tôi được một con số cận đúng nào.

Cảnh sống của tá điền.

Cũng chẳng khác gì ở những khu đồn điền mới bắt đầu khai phá, mà cả chủ lẫn phu phen đều phải chịu rất nhiều khổ. Nhà ở lại những túp lều siêu vẹo, giột nát lấm bẩn bằng những thân cây, và lợp nứa, chẳng khác tạm bợ, đồ đạc đơn sơ và cái giường làm bằng những mảnh gỗ đặt

lên những cọc và ngang bằng cành cây, và một vài cái nồi đất bắt đạn.

Chuồng trâu, (trâu thuê của chủ xong vụ cấy phải trả), bếp nước và chỗ ăn ngủ cũng ở trong một túp lều dài rộng được chừng 4, bảy năm thước tây. Xung quanh nơi ở: bụi rậm, vũng nước; giếng ăn là một hố sâu chừng 1 thước rưỡi hai thước, nước đục lờ lờ... Đó là cảnh sống của đa số bọn tá điền không có gì là lạ. Mỗi gia đình tá điền được nhận làm 5 mẫu ruộng mỗi mẫu gặt được 1 tạ rưỡi thóc, đã phải nộp cho chủ 80 cân; nghĩa là còn được hưởng tất cả: $(0,70 \times 5) 3$ tạ 50, theo giá thóc bây giờ (là giá cao lắm) thì được $(60\$ \times 3,5) 210\$$. Có lẽ đồng ruộng ngô khoai vào vụ chiêm, số thu hoạch cũng không thể trên 300\$ một năm, số tiền ấy phải nuôi ít ra là 3 người. Như vậy tất nhiên là túng thiếu nếu chủ không nói tay về số thóc phải nộp hoặc cho hưởng những nguồn lợi nhỏ khác như cho nuôi trâu bò rể, cấp vốn chăn lợn, gà vịt, dùng nhân công làm các việc như hái chè, làm cỏ, rang cà-phê, xé giả lương rộng rãi hoặc cho giống sen sản vừng, ngô, lúa (một giống lúa giồng ở nơi cao, gọi là lùm) trên những đồi mới phá để reo chè, trâu, v.v....

Tôi đã vào thăm vài nhà được coi vào bậc làm ăn khá giả: một nhà đã dành dụm tậu được 1 con bò nhỏ nhỏ, nhưng chỗ ở vẫn chỉ là một túp lều nát... và một nhà, gia đình có vẻ sung túc, ở trong ba gian nhà gỗ, bàn, ghế, bàn thờ chính tề, có đủ vốn để nhận lấy 20 mẫu ruộng của chủ nhưng bởi ra thì số lợi tức một phần lớn hơn ở việc trông nom ngôi đền thờ mẫu ở vùng ấy. Người độc nhất đã gây được vốn riêng nhờ ở hoa lợi của đồn điền ông chủ, theo lợi viện Cải hướng, dần, chúng tôi là, chính tầy ta, Lèn làm tá điền từ đời bố hẳn sống ở đây, đã hơn 30 năm dưới quyền làm chủ của ông chủ, đã tậu được 5 mẫu ruộng ở nhà quê dưới vùng xuôi. Nhưng hình như vì tự xoay được (bằng ngoại) chữ mỗi lợi chính thức được hưởng chỉ là được cấy 5 mẫu ruộng, là mượn trâu không

(Xem tiếp trang 24)

HỌC THUẬT VÀ HÀNH ĐỘNG

(GIẢI LỜI CHO BẠN)

THANH TUYẾN

Bạn lưu tâm đến học thuật nước nhà.

Bạn lại nghĩ đến quyền lợi của phần đông quốc dân.

Hay lắm.

Nhưng bạn chớ nghĩ rằng: đây chỉ là một câu chuyện ý-chí mà thôi.

“Muốn”, chưa đủ. Trước hết phải nhận rõ sự liên-lạc mật thiết giữa hai khái niệm: học thuật và hành động. Và cũng cần định nghĩa những danh từ như là chân-lý và quyền-lợi.

Sao bạn lại xem học thuật và hành-động như là hai sự trạng không có thể hỗ-trợ lẫn nhau?

Nếu không có học thuật, thì làm thế nào mà hành động cho hợp-lý, để đi đến một cái hiệu-quả chắc chắn?

Nếu không hành-động, làm sao mà tu chính được những sự lầm lỗi trong khi mình lĩnh-hội sự vật?

Ý-thức hệ thống — idéologie — là cái Kim chỉ nam cần thiết cho nghị-lực. Và thực-tế là phòng thí nghiệm của tất cả các hệ-thống lý-luận.

Lịch sử tư tưởng của nhân loại là một cuộc tu-chính thường-xuyên Chân-lý — chân lý khác với sự thực — từ một câu chuyện đối-đãi. Tôi muốn nhắc lại cùng bạn những danh-từ như là: Thèse, (luận án) — Anti—thèse (phản luận-án) — và synthèse (Khái quát); tôi cũng muốn đề khởi lại cái khái niệm « Không phải A » — le non — A — đằng sau khái niệm A. . . . Nhưng nhắc lại, làm gì những câu chuyện nặc những mùi kinh-diện-học ấy?

Chẳng qua chúng ta phải nhận thấy một sự thiết: cái quan điểm chân-lý tuyệt-đối, chân lý « cấm chống án » — vérité sans appel — đã đồ từ lâu rồi! Cho đến cả cái học thuyết đối-đãi này nữa: ta vẫn phải hiểu nó theo quan điểm đối-đãi mới được.

Nghe đầu, trên đời này, cũng đã xuất hiện mấy bản sách vẫn có cái cao vọng là đề xướng ra những chân-lý ngoài thời gian, ngoài xã-hội. Nhưng từ lúc mấy chủ-lai bên Tây-Âu đã táo gan, dạn bước đi thẳng về phía Tây để mà tìm phương Đông, thì bao nhiêu chân-lý kinh-thánh cũng đã bị lung lay nốt.

Và người ta càng ngày càng hiểu rõ sự cần phải luôn luôn phê bình, đính-chính chân-lý trong công tác thực tế.

Không có lý gì mà chúng ta yêu cầu các nhà học giả đừng hành động, và các tay chiến sĩ đừng nói đến học thuật.

Hành động và học thuật bao giờ cũng phải đi đôi cùng nhau để mà rọi đường cho nhau tu chỉnh lẫn nhau.

Bạn cũng biết: câu nói đầu tiên của Khổng tử trong bộ Luận Ngữ là: « Học nhi thời tập chi. » (Học, và dùng thì giờ để mà « tập » — làm việc).

Một câu nói chí lý.

Nhưng từ lúc một bọn hậu-rho đã thích nghĩa chữ học là: « Học chi vi ngôn hiệu dã. » (Nghĩa chữ học là bắt chước), thì giáo chỉ họ Khổng đã đi đến một con đường quá chật hẹp rồi.

Và sau lúc nho-học đã trải qua sự ngệ-hội của tư tưởng truyền thống, của — Tổng học, — « Hán » học, Khảo-chứng-học — khi

các nhà Nho đã lẫn vào sau mấy cái tháp-ngà của tư tưởng; để xa hẳn hành-động, xa hẳn đại chúng — (bọn thống trị cũng chỉ ao ước có chừng ấy chuyện mà thôi), — để vùi đầu vào trong mấy tờ giấy cũ, thì học thuật « Thiên-triều » cũng theo đường lối « tâm chương trí h » mà truy lạc hẳn xuống.

Bạn hãy tin tôi : có hành động, có kinh-nghiệm mới thí-nghiệm mới thể-hiện được những tia chân-lý mỏng manh mà người ta đã tìm thấy — (hay là tưởng tìm thấy, — như lời bạn) — trên lịch-trình điện-tiến của tư-tưởng. —

Trong lúc hành động để bình vực quyền lợi cho đại đa số, bạn chớ nghĩ rằng : có những quyền-lợi thần thánh nào, của một lớp xã hội cao quý nào, phải chống chọi với quyền lợi phần đông, vì cần phải bảo vệ, đừng để cho phần đông « đụng » đến nó !

Là vì, nếu như quyền lợi đó là một quyền lợi ích kỷ, thể hiện ra trên tờ giấy bạc trong cái tủ sắt và căn bản ở sự bóc lột của một lớp người khổn-khở mà thôi, thì tôi chắc rằng : thông minh trí tuệ của những người « tri-thức », quyết không có thể ủng hộ nó nữa.

Hay là bạn vẫn băn khoăn với những quyền lợi « cao quý » khác như là học thuật, là tư-tưởng, là khoa-học là nghệ-thuật...v.v.?

Nhưng tôi không thấy vì một lý do gì mà ta có thể chủ trơ rằng : quyền lợi của đại chúng thế nào cũng phải chống lại với bấy nhiêu tinh-hoa của văn-hóa ngàn xưa ?

Trước hết, tôi hỏi bạn, nếu như một hệ thống tư tưởng chỉ có đặc sắc là phản bội với quyền-lợi của đa số, với hạnh phúc của xã-hội, của nhân quần, thì cái học thức ấy cao-quý ở chỗ nào ?

Mọi danh từ hết sức quý hóa nhưng vẫn bị ngộ-hội : là mấy chữ tư tưởng tự do. Bạn đã thấy cái nhược điểm của cái chính thể « Dân-chủ tư sản » — (démocratie bourgeoise.)

Chúng ta không nên lao đầu vào đấy mà tự sát nữa !

Chắc bạn sẽ nghĩ đến câu những người đứng về tiền tuyến trên đường tấn-hóa bao giờ cũng có thái-độ « phản xã-hội » — anti-social — Nhưng ý nghĩa đó chỉ có thể cáo tố những sự thực cay đắng sau đây :

Là từ xưa đến nay, trong xã-hội có giai tầng với những giới hạn nghiêm ngặt của nó, mọi sự tấn bộ đều phải đổi theo một giá khá đắt : máu-thuần, xung đột, hy-sinh và lưu huyết !

Nhưng một mặt nữa, tiền-hóa cũng là một sự trạng hiển-nhiên. Là vì loài người vẫn cảm thấy sự cần thiết phải biết rõ những khuyết điểm, những chân-tướng của thực-tế, để mà lo cải thiện.

Trong học thuật kinh viện, người ta đã chỉ cho chúng ta nhận nhận những lý do để mà hoài nghi. Nhưng lối lý luận hoài nghi đó sẽ hết sức nguy hiểm cho học thuật cho hành động, nếu như nó đưa ta đến chỗ phủ nhận tuyệt đối.

Bạn lo rằng : trong bầu không khí nóng nản của sự hành động, có những kẻ vì nóng nảy táo bạo mà sẽ ngộ-hội, sẽ nóng nổi.

Ấy là một điều đáng lo ngại. Nhưng nếu như nhiệt tình có thể hướng dẫn người ta đến chỗ sai lầm, thì cũng chỉ có thực-hành và thí nghiệm mới có thể hướng dẫn người ta đến chỗ sai lầm, thì cũng chỉ có thực-hành, và thí nghiệm mới có thể định chính được những sự lầm lỗi đó.

Kể ra ai là người không lầm ? Không lầm, họa chăng là những người không - dám làm gì, nói gì, nghĩ gì sót. Nhưng thái độ của những nhà « học giả » ấy đối với hành động, với học thuật, tưởng bất tất phải nhắc đến đến làm gì nữa !

(Xem tiếp trang 28)

TIEU THUYẾT TÀU

LÊ ĐÌNH CHÁM dịch

(Tiếp theo)

Dấy Tiểu thuyết Trung-Hoa ra đời một cách không kèn, không trống như vậy, quyền nào cũng viết bằng lối văn bình dị chẳng khác một lý với tiếng nói hàng ngày của bọn thường dân. Nhưng cốt truyện thì thực là hay, giàu, vì trong truyện kể đủ những sự mà dân chúng thích nhất: những tục truyền hoang đường ngày xưa lẫn với những truyện thần tiên bí mật, chuyện đánh nhau, chuyện tình, tóm lại hết tất cả các sự tai nghe mắt thấy của cuộc đời hàng ngày của dân chúng.

Như thế thì ta nhận rõ là Tiểu-thuyết tàu không phải là văn tác phẩm của một nhà đại-văn-hào nào đã nghĩ ra như ở bên Tây phương. Không, ở Trung-hoa, nhà văn đã bị sửa sau tác phẩm. Người ta không biết đến ai đã viết ra những truyện đó. Bên Trung-hoa không có những nhà đại-tiểu-thuyết gia như Defoe như Dickens, như Balzac, như Flaubert — Nhưng ở Trung-hoa có lắm tác phẩm, xét về đủ mọi phương diện cũng chẳng kém gì những tác phẩm hay nhất của nhân loại. Vậy thì ta thử hỏi: Ai là người đã viết ra những bộ tiểu-thuyết đó? Đó là câu hỏi mà các nhà khảo cứu Trung-hoa hiện nay đang cố giải quyết. Trong khoảng hai trăm năm gần đây, các nhà văn học bình luận Trung-hoa, sau khi học tập ở các trường Đại-học thái tây đã bắt đầu để ý đến những kho tàng của nước mình xưa nay vẫn bỏ hoang.

Những đến nay vẫn chưa ai biết đến những nhà văn đã viết những tiểu thuyết đó — ai là người đã viết Thủy hử chẳng hạn. Mà Thủy hử là văn phẩm riêng của một người viết hay sao? hay trái lại là công nghiệp chung của mấy nhà văn đã ra công trong mấy thế kỷ chưa di chữa lại, sau khi lấy cốt truyện truyền tụng ở đám thường dân? Ai biết rõ được về vấn đề này? Những nhà văn vô danh đã viết Thủy hử nay qua đời đã lâu lắm.

Mà họ viết những gì? chẳng qua là những sự tai nghe mắt thấy hàng ngày, còn về họ thì tuyệt nhiên họ không nói đến, mà cũng chẳng ai dám động đến.

— Tác giả bộ Hồng-lâu-mộng đã viết trong bài tựa: không cần phải biết đến đời Hán, đời Đường. Tả được cảnh đời mình trông thấy cũng đủ lắm!

Những nhà viết truyện Trung-hoa thực đã tả cảnh đời họ đang sống và chính họ sống trong một cảnh sung sướng không ai biết đến! Họ không hề đọc đến những bài văn bình phẩm trong đó các nhà nho văn bản về vấn đề viết truyện như thế có hợp với lễ luật kinh sử ngày xưa hay không — Mà chính họ cũng không bao giờ tự hỏi là viết

như thế có hợp với quy tắc cổ không? Họ thích thì viết viết được đến đâu thì hay đến đấy? Lắm khi họ đa viết tuyệt hay mà họ không biết, lắm khi họ viết rất kém thường mà họ cũng chẳng hay. Họ sung sướng từ già tới trẻ trong khi không ai biết đến... Các nhà khảo cổ bây giờ dù có gắng công đến đâu cũng không sao biết được tên tuổi họ. Nhưng tác phẩm của họ vẫn còn sống trong óc bọn thường dân Trung-hoa, và những tác phẩm đó, vẫn truyền tụng đến ngày nay, hết đời này đến đời khác bất di bất dịch.

Trong bài tựa bộ Thủy hử, nhà văn sĩ Thi-nai-Am người có dự 1 phần lớn trong việc xây đắp quyển truyện đó viết: Truyện tôi viết đây, tôi mong cho ai ai xem cũng hiểu — xấu hay tốt, dốt hay giỏi, sang hay hèn ai ai xem cũng hiểu.

Quyển sách này hay hay dở, cái đó cũng không quan ngại cho ai cả. Than ôi! sinh ra đời rồi lại từ giã đời! Người đời sau bình phẩm sách này ra sao, biết sao trước được! Mà kiếp sau, lộn làm người khác xem sách này có nhớ cũng quên là kiếp trước chính mình đã viết ra nó! Mà kiếp sau này ta đã chắc biết chữ mà đọc nổi sách như bây giờ? Thế thì hơi dẫu mà quan tâm đến sách ta làm cho thêm bận trí.

Lạ hơn cả là lắm nhà nho cũng ước mong sự tự do của kẻ không ai biết đến! lắm ông vì chán đời và không dám nghĩ cho ai, biết, vì muốn thoát ly khuôn khổ ngặt nghèo của văn chương chính thức, cũng giấu mình sau một tên hiệu để viết những quyển tiểu thuyết trong đó họ dễ mặc cho tâm hồn tự do phát triển. Như thế, họ quên hết lối sáo và chỉ nghĩ sao viết vậy, một cách rõ ràng giản dị như những tiểu-thuyết gia. Vì các tiểu thuyết gia bao giờ cũng cho là mình phải tự do, thoát hết các lễ lối bó buộc. Họ cố viết cho thật rõ làm sao cho câu truyện được người ta hiểu. Nếu một nhà viết tiểu thuyết đã tỏ ra mình có một giọng văn riêng, một lối bố cục riêng, thì sẽ không được người ta coi cho là một nhà viết tiểu-thuyết nữa, họ sẽ coi nhà văn này như các nhà nghệ thuật chuyên chú về văn chương, về gọt rũa rồi.

Ấy, ở Trung-Hoa người ta giầy tôi như thế: một nhà tiểu-thuyết giỏi phải ở trên các khuôn khổ lễ lối. Phải tự nhiên, mềm mại và bao giờ cũng sẵn sàng diễn tả nổi những ý tưởng dồn dập trong trí mình. Bọn phận nhà văn hao là phải chọn lọc trong bao nhiêu sự hỗn độn phiền phức ấy, lấy điều gì quan trọng nhất, và có

điển tả cho hết cái phần quan trọng đó. Mà phải viết làm sao cho người đọc không biết được đến giọng văn của mình, vì viết mà đến nỗi để cho người ta đoán được mình bằng giọng văn thì mình đã làm nó lộ cho văn chương! Nhà tiểu-thuyết Trung-hoa bao giờ cũng phải thay đổi giọng văn cho phù hợp với mỗi truyện mình muốn kể.

Đối với những lệ luật của Tây Phương thì tiểu thuyết Tàu thực là còn nhiều khuyết điểm. Cũng như cuộc đời, truyện thực không có gì là dăn xếp sẵn, và cũng không được tóm tắt tho đẹp lắm. Lắm khi truyện dài quá, phức tạp quá, lắm nhân vật quá, không có phân biệt sự thực với sự hoang đường, lắm chỗ thần tiên quý quái thì lại điển tả một cách tỉ mỉ làm cho người ta vô tình mà phải tin theo. Những bộ truyện cổ nhất thì đầy những sự tin-ngưỡng hoang-dường. — Vì người nhà quê thời bấy giờ thực có một tâm hồn tin ngưỡng như vậy. Người ta không sao hiểu được tâm hồn người dân quê Trung-hoa ngày nay nếu không đọc qua những bộ tiểu thuyết cổ đã có ảnh hưởng rất sâu sa về tâm trí người Trung-hoa, một tâm trí vẫn còn hoàn toàn tin ngưỡng những sự hoang đường — đầu là các nhà Tân-học Trung-hoa ngày nay cố cãi là không phải. Mà thực, tâm trí người Trung-hoa gần như tâm trí người đảo Ái-nhĩ lan mà nhà văn sĩ C. Russel đã tả như sau: một tâm trí giản-dị và chất phác đến nỗi cái gì cũng tin là có, một tâm trí đã thay đổi những cột buồm bạc thành những chiếc thuyền vàng, thành những tòa nhà lộng lẫy, thần tiên đứng bên bờ biển... khi tâm trí chất phác đó quay về chính trị thì bất cứ thuyết gì họ cũng theo ngay.

Ấy chính cái tâm trí tin ngưỡng sự hoang đường đã ảnh hưởng rất sâu sa về các tiểu thuyết Tàu. Mà các tiểu thuyết đó thay thay đổi đổi luôn luôn với thời gian. Quyền truyện trở danh nào cũng có đến 3 hay 4 tên. Tại sao? Vì truyện đó không phải là ở tay một người làm ra thoát tiên chỉ là một chuyện ngắn, nhưng chẳng bao lâu thay đổi ra ba, bốn bản khác nhau, rồi sau đó hợp nhất lại thành một bản, nhưng có đến ba, bốn tác giả kế tiếp nhau sửa đi sửa lại.

Tôi có thể chứng thực câu nói của tôi bằng thí dụ này: có một chuyện cổ rất có tiếng, gọi là chuyện Bạch-sắc (con rắn trắng) chuyện này thoát tiên là một nhà vô danh đời Đường viết ra. Đó là một câu chuyện rất hoang đường mà vai chính, như tên chuyện đã chỉ rõ, là một con rắn trắng rất to. — Về thế-kỷ sau, trong một bản khác của chuyện Bạch-sắc thì con rắn đã biến thành một người dân bá ác nghiệt. Nhưng bản thứ ba thì lại có tính cách nhân loại hơn: người dân bá ác nghiệt đã trở nên một người nết trung tín, giúp đỡ và đỡ được một đứa con nối dõi nhà chồng, chuyện mỗi ngày một thay đổi, trước còn là chuyện súc vật, ác nghiệt sau biến hẳn ra một chuyện người rất cảm động.

Trong thời kỳ thứ nhất, của lịch sử Trung-hoa thực có rất nhiều truyện hoang đường, mà ta có thể gọi là cốt truyện, hay là gốc cho các chuyện sau này hơn là grafted thực — lại chuyện mà nhà đại văn hào anh Shakespeare sẽ dùng để tạo nên những tác phẩm bất hủ nếu đã biết đến.

Loại truyện hoang đường đó cũng bị thất lạc nhiều vì xưa kia họ không cho là loại đó có giá trị lắm. Nhưng cũng may, không mất hết, người ta còn giữ lại được những truyện đời Hán sơ, những truyện này có một giọng văn mạnh mẽ rắn dỏi, mà người đời nay vẫn thần phục và thường khen là giọng văn chẳng khác gì tiếng móng ngựa đang phi. — Trong những truyện thời đó ta có thể gặp đủ mọi loại: nào là truyện có tính cách tôn giáo và hoang đường, nào là truyện nghệ thuật, báo ơn báo oán, nào là truyện rùng rợn rãn, truyện các nhà tu hành võ sĩ, truyện hồ truyện báo, truyện về luân hồi... sinh kiếp này, lộn kiếp khác, truyện hoang đường nói đến những hành vi phi thường của những người « nhà giỏi » tóm lại những truyện trong đó ta có thể nhận được ảnh hưởng rất sâu sa của đạo phật và đạo giáo — truyện thần tiên nở ra như hoa dưới ngời bút tự do của những nhà văn đã tự đặt ra ngoài khuôn khổ, những truyện mơ mộng đưa tâm hồn người đặt vào những thế giới lạ lùng chẳng khác gì thế giới của Gulliver... Nhưng dù sao, dù hoang đường đến đâu, những truyện đó cũng phải phát họa lại cho ta biết phong tục cũng là không khí của thời đại bấy giờ. — Những truyện đời Hán toàn là những truyện mạnh mẽ nói về công cuộc trong nước, và vai chính bao giờ cũng là một bậc vĩ nhân hoặc một viên tướng giỏi. Động thái bài trong truyện là một động thái hải thần thần vui thực là điển tả được tâm lý của một thời đại thượng võ và chất phác. Nhưng lịch sử chẳng bao lâu đã thay đổi, quang cảnh lại khác hẳn, và thời đại Hán sơ chỉ còn lại trong trí nhớ người Trung hoa như một thời vẻ vang oanh liệt cho nên đến ngày nay, họ vẫn tự nhận là dòng dõi Hán-tộc. Đến đời Hán mạt thì các truyện khác hẳn, mất hết cả vẻ mạnh mẽ hùng cường và cốt truyện thì thực là truyện văn võ quanh quẩn về dân bà. Người Tàu thường nói: Trong đời lục triều, người ta viết về những sự không đứng đắn, người ta nói về dân bà và tả những thác nước hoặc tiếng chim kêu....

Nếu tiểu-thuyết võ-hiệp đời Hán là vàng thì những tiểu thuyết tình của đời Đường là bạc. Đời Đường là một đời rất chuộng tiểu-thuyết ái-tình các nhà viết truyện thì nhau ca tụng về đẹp thiên-nhiên và vĩnh-viễn của Dương-quý-Phi và của người kinh dịch ghê gớm của Dương-quý-Phi trong lòng vua tức là Mai-phí. Những tiểu-thuyết ái-tình đời Đường là những truyện éo le và

(Xem tiếp trang 22)

Tổ chức xã-hội và kinh-tế

ở NƯỚC ĐỨC

CHÍNH SÁCH NGHIỆP ĐOÀN

ĐỖ DỨC DỤC

PHAN THỨ BA

Tổ-chức kinh-tế ở Đức

Tổ-chức nông-nghiệp đã được xét riêng ở phần thứ nhất, phần này chỉ chú-trọng về tổ-chức những ngành khác như kỹ-ngệ và thương-mại...

Như trên đã nói (1) những cơ-quan kinh-tế đã thiết-lập chậm hơn và riêng biệt những cơ-quan xã-hội, là vì có sự xung đột gay go giữa những phần-tử cấp-tiểu của chính đảng muốn thi-hành lập tức chương-trình nguyên-thủy của đảng Quốc-xã, và những phần-tử khác trong một chính-sách mềm mại hơn chỉ động chạm đến tổ-chức kinh-tế một cách không-ngaoan, tùy thời; và kết-cục phải sau này đã thắng.

Vì lẽ đó, sự tổ-chức kinh-tế ở Đức (không kể nông-nghiệp) hãy còn ở giai-đoạn tạm thời và riêng ở đây điều mâu-thuẫn « tư-bản chế-độ — tập-sản chế-độ » (*capitalisme — collectivisme*) không còn có nghĩa nữa. Tính-cách này phát-hiện rõ rệt ở sự đi-sống đôi của những cơ-quan do Chính-phủ quốc-xã thiết-lập với đạo luật chung cục ngày 27 Novembre 1934, và những cơ-quan tư-vấn được ít nhiều tự do tuy rằng có Chính-phủ kiểm-soát, đó là những tổ-hợp hay liên-minh (*Cartels*) của các nhà xuất-sản đã thiết-lập từ trước. Kết-quả tất-nhiên là những mối quan-hệ kinh-tế cũng chia làm hai loại, một loại do những cơ-quan chính-thức của Chính-phủ chế-pháp, một loại do những cơ-quan tư-tức là của các nhà xuất-sản hợp-lại được tự-lo-định-đoạt. Tuy-nhiên dù sao, ở đây cũng như ở địa-hạt khác, quyền lợi

tối cao của Quốc-gia và Chính-phủ cũng phải đặt lên trên tất cả mà cái cửa-cánh của sự tổ-chức vẫn là một nền kinh-tế tự-lưu cần thiết trong lúc chiến-tranh.

A. — Những cơ-quan của Chính-phủ

Đạo luật căn-bản ngày 27 Février 1934, do đạo luật chung cục ngày 27 Novembre 1934 thi-hành, thiết-lập những cơ-quan kinh-tế vừa theo nền tảng nghệ-nghiệp vừa theo nền tảng địa-dư. Theo nền tảng nghệ-nghiệp, kinh-tế Đức chia ra làm 7 « đoàn của Chính-phủ » : Kỹ nghệ, Tiêu công-ghệ, Ngân-hàng, Thương-mại, Bảo-hiêm, Vận-tải, và Động-lực. Riêng về kỹ-ngệ lại chia ra làm 7 « đoàn chính » : mỏ và đá-kim, — tạo-tác cơ-khí, — sản-vật bằng sắt và kim-khí, — vật-liệu xây-dựng, — phẩm vật hóa học, dầu và giấy, — đồ sồi và đồ da, — cung cấp thực phẩm. Mỗi đoàn của chính-phủ và mỗi đoàn chính về kỹ-ngệ lại chia ra thành những kinh-tế đoàn, mỗi đoàn này chia ra thành những nghệ-nghiệp đoàn, sau hết là những nghệ-nghiệp tiêu-đoàn tương-hợp với từng hoạt-động kinh-tế chuyên-môn.

Mỗi đoàn trong nền tổ-chức đó bao gồm tất cả các kinh-định lại và đứng đầu có một vị thủ-lĩnh nắm toàn quyền và giúp việc là một Hội-đồng tư-vấn mà những hội-viên chính là những thủ-lĩnh của các cơ-quan bậc dưới, duy ở bậc dưới cùng thì hội-viên thủ-lĩnh tiêu-đoàn tự chọn lấy các hội-viên.

Theo nền-tảng địa-dư nước Đức chia ra làm 13 khu-vực kinh-tế, hợp với 13 khu-vực của các

(1) Xem Thanh-nghị số 78 — 12 Août 1944.

Uy-viên lao-động (2); trong mỗi khu-vực đều có những kinh-tế đoàn, nghệ-nghiệp đoàn, và tiểu đoàn. Mỗi khu-vực do một vị thủ-lĩnh chỉ-huy bên cạnh cũng có một Hội-đồng giúp việc. Vị đó lại làm hội-trưởng Phòng kinh-tế khu-vực và những Phòng thị-rong-mại, kỹ-nghệ, tiểu công nghệ của khu-vực.

Ở trên hết tổ-chức kinh-tế là *Phòng kinh-tế của Chính-phủ* mà hội-viên là những đoàn của Chính-phủ, những đoàn chính về kỹ-nghệ: những phòng kinh-tế khu-vực, những phòng thương-mại, kỹ-nghệ, tiểu công-nghệ, và viên hội-trưởng thì do Tổng-trưởng bộ kinh-tế đề cử, vị này cũng chuẩn-ý những nghị-định của viên hội trưởng đó.

Tất cả những cơ-quan của Chính-phủ trên đây là thuộc công-pháp, thảo ra những qui-tắc hành-chính thi-hành cho tất cả mọi kinh-dinh. Những thủ-lĩnh đều do vị Tổng-trưởng bộ Kinh-tế đề-cử. Nhưng chức-vụ thiết-thực của các cơ-quan đó chưa có gì quan-trọng, nó mới chỉ là chức-vụ đại-diện và khảo-cứu: một mặt trình bày trước các nhà cầm quyền những mối lợi-hại của đoàn-thề, mặt nữa truyền-đạt cho các hội-viên những mệnh-lệnh, phương-châm của Chính-phủ. Nói rõ hơn những cơ-quan đó chỉ có quyền hạn về những vấn đề toàn-thể, như về mục đích ấn-định cho nền kỹ-nghệ chẳng hạn, còn những vấn đề chuyên-môn như về tổ chức sản-xuất và giao-dịch thì vẫn ở trong tay các doanh-chủ, các nhà sản-xuất hợp thành những cơ quan tư, tổ-hợp hay liên-minh.

B. — Những cơ-quan của tư-nhân.

Đó là những cơ-quan độc-lập của tư-nhân tức là những nhà sản-xuất, do Chính-phủ kiểm-soát và tạm-thời ủy-thác cho một phần quyền-lực. Có hai hạng: những *tổ-hợp tự do* nhiều hơn cả và những *tổ-hợp cưỡng-bách* do đạo luật ngày 15 Juillet 1933 cho phép vị Tổng-trưởng bộ kinh-tế được hội-hợp tất cả những kinh-dinh cùng một ngành hoạt động lại.

Những tổ-hợp hay liên-minh có chức vụ quan trọng như chế-pháp hóa-giá và những điều-kiện giao-dịch, có khi lại ấn-định cả số lượng hàng hóa xuất sản. Những quyết-nghị của các cơ-quan

đó có tính-cách bó-buộc cho tất cả mọi kinh-dinh và một đạo luật lại cho chúng được dùng những phương-sách cưỡng-chế đối với hội-viên nào không tuân theo những qui-tắc ấn-định, trừ phi Tòa-án của liên-minh định theo nhẽ khác.

Tuy-nhiên sự kiểm-soát của Chính-phủ càng ngày thêm rất chặt chẽ vì ba mục đích: ngăn trở sự hà-lạm của những cơ-quan đó đối với người khác, định đoạt thái-độ của chúng cho hợp với quyền-lợi của Quốc-gia, điều-hòa những hoạt-động của chúng với hoạt-động của các cơ-quan kinh-tế khác. Quyền kiểm-soát ở trong tay Tòa án của liên-minh, vị Tổng-trưởng bộ Kinh-tế và những quan-chức giữ việc kiểm soát hóa-giá và phân-phối nguyên-liệu.

Tòa-án liên-minh thiết-tập ra để chống lại sự quá-lạm của những quyền lực kinh-tế; bảo-toàn sự tự-do cạnh tranh; tòa có thể thủ-tiêu những quyết-nghị hay điều ước của các liên-minh. Vị Tổng-trưởng Kinh-tế có toàn quyền chỉ-huy chính sách của Chính-phủ đối với những liên-minh: thủ-tiêu hay khiêu tố những quyết-nghị của các tổ-hợp trước Tòa-án liên-minh, thiết-lập tổ-hợp mới hay giải tán tổ-hợp đã có. Còn những cơ-quan kiểm soát hóa giá và phân phối nguyên liệu thì có quyền-hành để ngăn trở sự hạ giá hay tăng giá thái quá, để điều khiển sự tiêu dụng nguyên liệu và như vậy là có thể định đoạt một cách gián tiếp số hàng sản xuất và can thiệp vào sự hoạt-động của các liên-minh.

Nói tóm lại những cơ-quan của các doanh-chủ hãy còn giữ một địa vị quan trọng trong nền kinh-tế Đức: năm 1936 còn tới 30% hàng xuất sản là do những liên-minh chế-định giá cả. Tuy nhiên sự can thiệp của Chính-phủ vào nền kinh-tế mỗi ngày một thêm mật-thiết và người ta hết

(Xem tiếp trang 18)

Ô-TÔ NHÀ LẦU,

CÁI MỘNG ĐÓ

SẼ THÀNH SỰ THỰC

NEU CÁC NGÀI MUA VÉ SỐ ĐỒNG PHÁP (15)

(2) Xem Thanh-Nghị số 80 — 26 Aout 1944.

Vua Gia Long với NƯỚC XIÊM, NƯỚC LẠP

NGUYỄN THIỆU LAU

(Tiếp theo)

TÀI LIỆU. — I (1791-1792) (1)

1 — Năm **Nhâm-tí (1792)**, tháng ba nước Xiêm đem thư xin giúp binh đi đường thượng-đạo đánh Tây-sơn.

2 — Năm **Bính-thìn (1794)**, tháng giêng, cho Nguyễn tấn Lượng, Nguyễn văn Thụy làm Chánh, Phó sứ sang Xiêm.

3 — Năm **Đinh-tý (1797)**, tháng chín, sai Trần phúc Chất đem quốc thư sang Xiêm đề báo việc binh. Lại nói với Xiêm rằng: « Có « nghe nước Diên-diên thuê binh thủy Hồng- « mao để đánh Xiêm, quả như vậy ta sẽ đem « quân thủy đón đường mà đánh. » Người Xiêm phúc thư cảm tạ, dâng 100 000 cân diêm. Trong tờ nói rằng: « Như ngày sau quân đi đánh giặc, « binh khí có thiếu gì thời Xiêm xin giúp. Lại « xin phái người nào quen việc, hội với lính « bộ nước Xiêm theo đường thượng đạo đi « băng qua nước Vạn-tượng để đánh lấy tỉnh « Nghệ-an, một là ngăn đón quân ở ngoài Bắc- « hà vào hai là đánh mặt sau Thuận-hóa; quân « nhu đã có các mọi cung cấp, mình không « phải lo. » Ngài vẫn muốn giao-thông với Vạn tượng, bây giờ được thư Xiêm, Ngài mừng lắm.

4 — Năm **Mậu-ngọ (1798)**, tháng hai, Diên diện đánh Xiêm. Xiêm sai sứ sang xin quân cứu viện. Ngài sai Hữu-quân Nguyễn hoàng Đức, Chưởng-cơ Nguyễn văn Trương đem 7.000 lính, thủy, 100 chiếc thuyền chiến sang cứu. Quân đi tới Côn-lôn thời Xiêm đã đánh được Diên-diên rồi, liền rút quân về.

5 — Năm **Kỷ-vị (1799)**, tháng hai, sai Nguyễn văn Thụy, Lưu phúc Tường sung chức Chánh, Phó sứ đem quốc-thư sang nước Xiêm, nói với Xiêm đem quân lính Chân-lạp, Vạn-tượng đi xuyên đường thượng-đạo xuống tỉnh Nghệ-an để trợ thanh thế cho mình. Vua Xiêm bằng lòng.

6 — Năm **Canh-thân (1800)**, tháng giêng (?), Thượng-đạo Tướng quân Nguyễn văn Thụy ở Vạn-tượng về mặt tàu việc binh. Ngài sai đi hội với Vạn-tượng đánh lấy tỉnh Nghệ.

7 — Tháng sáu, Tướng quân Nguyễn văn Thụy, Điền quân Lưu phúc Tường đem quân mình và quân Vạn-tượng đánh đảng giặc ở Nghệ-an.

8 — Năm **Tân-dậu (1801)**, tháng năm (sau khi thấu phục Kinh-dô), Ngài sai Điền-quân Lưu phúc Tường đem hộ-hạ đi đường Cam-lộ đưa thư cho Vạn-Tượng và các mường bảo chúng nỗ giữ chỗ hiểm-yến, phòng quân giặc chạy trốn.

(Năm **Nhâm-tuất (1802)**, tháng năm ngày mồng một, Ngài hiệp tế trời đất, cáo việc đặt niên hiệu là Gia-long. Rồi Ngài cử binh ra đánh Bắc-hà).

II — (1802-1820)

1 — Năm **Bính-dần (1806)** — tức là năm Gia-long thứ năm tháng tám, Xiêm sai sứ sang, dâng ba chiếc thuyền chiến. Quan trấn Gia-dịnh tâu lên, Ngài sai đưa Sứ Xiêm về Kinh chiêm-bái rồi cấp tiền cho về.

(1) Xem bài: Nước Xiêm đã giúp Nguyễn Ánh đánh Tây-sơn như thế nào. Thanh Nghị số 55.

Chân-lạp lời xin thọ-phong. Ngài phong Mạc Chân làm Cao-man Quốc-vương, định lệ ba năm cống một lần, từ năm nay (âm) dần.

3 — Năm Nhâm-tỵ (1800), tháng mười hai, quan Trấn-Thủ Hà-tiên là Mạc tử Thiêm mất.

Từ khi Mạc Cửu dâng đất Hà-tiên đến bây giờ, Triều đình bỏ đến công lao, cho con cháu đời đời làm Trấn-thủ Hà-tiên. Đến khi Thiêm mất rồi, con là Công Tài, Công Thế còn nhỏ, cháu là Công Du vì tội bắt vợ hầu Thống chế Phạm văn Triệu bán cho người Xiêm bị giao đình-ngự.

Ngài bèn truyền-chỉ Chánh-dội Ngô y Nghiêm, Tham-luận Lê tấn Giảng quyền-lân trấn Hà-tiên, Âm-thụ Công Thế làm Chánh-dội để coi việc tế-tự và cấp cho 53 tên mộ-phụ.

Ngài lại truyền quan Tổng-trấn Gia-dịnh đem việc Công Du báo với Xiêm, Xiêm xin tha tội Công Du mà cho lập chức Trấn-thủ. Ngài không cho, truyền-bộ Lại viết thư trả nhời cho Xiêm. Xiêm tiếp được thư, không dám xin nữa. (Năm Tân-vị (1811) tháng hai, Ngài dời Mạc công Du, Mạc công Tài về Kinh; cho con cháu bọn ấy cả thảy 50 người dự hàng miên-diêu.)

4 — Năm Tân-vị (1811), tháng hai. Khi trước Nặc Chân giận Xiêm nhưng ý có nước ta bảo-hộ. Đến khi nghe sứ Xiêm sang nước ta, Nặc Chân tưởng rằng ta giao-hiệp với Xiêm, sợ làm Ngài bèn tình-thần làm thư đưa cho Nặc Chân trong thư kể hết những nhời sứ Xiêm văn đáp với ta, để cho Nặc Chân an tâm. Lại gặp lúc Xiêm có tướng Phật-vương, Ngài dụ Chân phau sai sứ sang Xiêm hội-tàng, kết-nghĩa giao-khiếu. Chân được thư mừng lắm, dâng biểu trần-tạ.

5 — Tháng ba, sai Chuông-cơ Tổng-phước Ngoại-sung chức Chánh-sứ sang Xiêm. Ngài sai bộ lại làm thư đưa qua Xiêm nói việc lâu-sử

Vua Gia long với

LỜI VU

PI KICH CUA TÀO NGU

ĐẶNG THÁI MAI dịch

(Tiếp theo)

Sau buổi đem trưa, khi giờ nạng nề, hết sức bức. Một tầng không khí âm oi, cơ hồ muốn nén ép hết nhân vật trong phòng. Bình, một mình từ phía phòng ăn đi tới, nhìn thoáng qua vườn hoa: vườn hoa im phăng phắc. Bình sẽ lên bước tới buồng giấy, buồng giấy giờ này cũng êm đềm vắng vẻ. Bất-trắc cụ Phác Viên đi vắng, Bình sẽ đi tới tận cửa sổ, mở cửa nhìn bóng cây âm thầm ngoài vườn. Một lát sau Bình huyết sảo theo một điệu là lạ. Trong lúc huyết xen vào lại ba tiếng gọi rất bé « Phụng ! » Một lát sau xa xa nghe phảng phất có tiếng giả nhời, một lát một gần thêm Bình sẽ gọi thông thả một tiếng nữa: « Em Phụng ơi ». Ngồi cửa, giọng con gái: « Anh Bình đấy ư ? » Bình liền đóng cửa sổ lại.

(Phụng đi vào, bước rất nhanh nhẹ)

Bình — (nhìn ra cửa giữa, lối Phụng bước vào, nói khẽ). Phụng ! (đi tới cầm tay Phụng).

Phụng — Khoan ! (gạt tay Bình) Khoan đã ! Khoan đã ! (Lặng tai nghe) Anh xem có ai ở bên này không.

Bình — Không mà, Phụng ngồi xuống đây. (Kéo Phụng ngồi xuống trên cái sofa)

Phụng — Ừ ông đâu ?

Bình — Ông còn có khách mãi tận đằng phòng to kia.

Phụng — (ngồi xuống, thở dài, nhìn quanh quất) Cứ vung vung lên lên, thế nào ấy !

Bình — À ! (vừa nói vừa thở ra một tiếng dài)

Phụng — Anh gọi em mãi những em chả dám trả lời...

Bình — Bởi vậy anh quyết đi chỗ khác, không ở nhà này nữa.

Phụng — Chao ! Tôi nghiệp cho bà: ông mới về đến nhà, vừa thấy mặt đã quát òn lên.

Bình — Bà xưa nay vẫn thế; nói câu gì là như đinh đóng áy; mỗi một ý kiến của bà là một đạo luật !

Phụng — Em... em sợ quá cơ.

Bình — Sợ gì kia ?

Phụng — Em sợ lỡ may ông biết thì chết, chẳng là hôm trước anh bảo rằng anh định đem chuyện hai đứa mình thưa lại cùng ông.

(Bình — (lắc đầu, ngồi nghĩ một chốc) Đáng sợ là chỗ khác kia.

Phụng — Còn sợ gì nữa kia ?

Bình — Em không nghe chuyện gì ư ?

Phụng — Thế nào?... Em có nghe gì đâu.

Bình — Em không nghe chuyện gì về anh cả ư ?

Phụng — Không.

Bình — Lâu nay không ai nói gì cùng em ư ?

Phụng — Không... Sao anh hỏi thế ?

Bình — Thế à. Có gì đâu !

Phụng — Anh Bình à, em tin lòng anh, em tin chắc chắn rằng không bao giờ anh lừa em. Thế là đủ... Vừa rồi, em nghe anh nói ngày mai anh định lên mô.

Bình — Tối hôm qua, tôi chả nói cùng Phụng rồi là gì ?

Phụng — Thế sao anh không đem em cùng đi ?

Bình — Là vì rằng.... (cười) vì rằng anh không định đem em đi.

Phụng — Về đằng em ấy mà, sớm muộn thế nào em cũng phải về... Có lẽ trong ngày hôm nay bà sẽ cho em nghỉ việc.

Bình — Sao lại cho em nghỉ việc ?

Phụng — Thôi anh đừng hỏi em nữa.

Bình — Không, phải nói cho anh rõ.

(Xem tiếp trang 19)

nước Chân-lạp. Sứ Xiêm cũng xin về nước. Ngai ban thưởng hậu-lâm cho về luôn với Sứ ta.

6 — Năm Nhâm-thân (1812), tháng ba, em Nặc Chân là Nặc Nguyên đem lịch Xiêm sang cướp thành La-bích Nặc Chân bỏ thành chạy sang Nam-vang dâng biểu xin viện-binh, Ngài cự rằng:

« Anh em chúng người không hòa với nhau đến nỗi sanh điều lo lắng, ta đương nghĩ xử-trí để làm cho yên nhà nước người, người cũng phải tự cường để yên-dân người, hễ nhân tâm yên thì người sẽ có ngày về nước. »

7 — Tháng sáu, mấy tên mặt-thám ở Gia-dịnh đều nói Diển-diện đánh Xiêm, Xiêm phải rút binh về. Nguyễn văn Nhân tâu lên Ngài biết. Xiêm sai bọn Sạ Trật, Sĩ Na đem dâng đồ hương-liệu và dâng thư nói: « Anh em Nặc Chân không hòa-hiệp nên phải sai trọng-thần sang giữ, ấy là muốn cho anh em nó khỏi tranh nhau, chứ nước Xiêm tôi không có ý gì. »

Đời sứ Xiêm vào, Ngài quả rằng:

« Nước người vô cớ đem quân sang đóng đất Chân-lạp làm cho Nặc Chân phải chạy. Chân-lạp đời đời thần-phục nước ta, nếu có việc gì ta cũng phải cứu Người về nói với vua người rằng: « Nặc Chân rồi cũng trở về, vua người chớ đối ta mà cũng đừng làm lo cho Nặc Chân, thế mới phải nghĩa, hậu nước láng giềng thương nước nhỏ mọn. »

8 — Tháng chín, tha lệ cống năm ấy cho nước Chân-lạp, chờ vua nước ấy về nước rồi sẽ theo lệ cống.

9 — Năm Quý-dậu (1813) tháng hai (?) Ngài truyền chiếu cho Tổng-trấn Gia-dịnh Lê văn Duyệt và Hiệp-trấn Ngô nhân Tĩnh đem 13 000 lính thủy đưa Nặc Chân về nước Cao-man.

Xiêm cũng sai bọn Phi-nhã (Phi-nhã là một chức quan) Ma Kba và A Mạc làm Sứ Xiêm đem quân đưa theo.

Nu'oc Xiêm, Lạp

Nặc Chân vào thành La-bích, Duyệt sai quan Cao-man là Cao la Hâm đem 500 quân phòng giữ. Duyệt truyền hiệu-lệnh, cấm quân cướp phá, bầy oai, tía võ dân làm ăn. Cao-man nhờ được yên ổn.

Nguyên trước Nặc Chân chạy về với ta, Xiêm giận lắm, ý muốn lấy thành Bắc-tâm-bôn phong cho Nặc Nguyên. Đến khi nghe Nặc Chân trở về nước, Xiêm bề ngoài thì giả-dạng hòa-hiếu, sai sứ sang hội với quân ta đưa Nặc Chân về, mà bề trong thời sắp đặt việc quân, muốn thừa cơ đánh dễ thư con giận.

Đến đây, Duyệt đem quân đến, Xiêm không dám lộ mưu ra; nhưng quân Xiêm còn đóng ở Long-ức chưa về, muốn đưa Nặc Nguyên về mà cũng chưa được.

Duyệt tâu rằng :

« Xiêm muốn lấy Chân-lạp phải lấy Nặc Nguyên làm mối. Ta muốn che đỡ Gia-định phải cho Nặc Chân làm tôi : ta nạp Nặc Chân thời người Xiêm mất lợi nhiều lắm. Chưa chắc người Xiêm khỏi sanh mưu khác, cớ gì chưa chắc Phiên-vương (tức là Nặc Chân) khỏi có việc lo.

« Bây giờ quân ta ở đó lâu thời quân mệt mà tổn của. Rút quân về hết thời Phiên-vương đơn nhược, không có người phòng-giữ. Vả lại thành La-bích nhỏ, thế không giữ được; xin đắp thành Nam-vang cho Phiên-vương ở, đắp thành Lô-yêm để trữ lương. Hễ đắp thành xong rồi, sẽ lưu binh bảo-hộ Chân-lạp, đại-binh thời rút về Gia-định để xem động-tĩnh thế nào.

« Như vậy thời lẽ thuận, nghịch rõ ràng, hình lao, đặt phạm minh, muốn đánh thời đánh, muốn hòa thời hòa, thế là ta được chước hơn vậy. »

Ngài cho là phải, truyền ông Duyệt đem quân thủy giữ sông Xà-mãng, đem quân bộ đóng các chỗ quan-yếu mà viết thư trách vua Xiêm rằng :

« Xiêm - vương cũng muốn Nặc Chân, Nặc Nguyên (Nặc Chân là anh Nặc Nguyên) người lòng thù oán, trợn nghia anh em. Nay Chân đã về Chân-lạp, ở sao Xiêm chưa rút quân về ?

« Cứu tai nạn, thương lân-quốc, làm nhân-đức mà thỏa lòng người, ấy là đạo đời xưa đó. Nếu trước làm nhân-đức sau gây thù oán, kéo quân sang đóng Chân-lạp, chẳng là trái lẽ hay sao ? Huống chi Nặc Nguyên phản anh mà giữ nước, tội không xiết kể. Nước ta và vua Xiêm bỏ qua không làm tội, cũng nguĩ rằng Nặc Nguyên đương còn tình con trẻ, muốn cho đổi lỗi mà thôi. Bây giờ Nặc Chân đã biết vua Xiêm khoan thứ là đức, Nặc Nguyên lẽ nào không nghĩ được ta tha tội là ơn hay sao ? Cớ sao đến nổi u-mê như thế ? Thử nghĩ rằng thắng giặc mà thiên-hạ ai cũng muốn giết lại có nước nào dung cho nó trốn hay sao ? »

Xiêm tiếp được thư rồi sai tướng Xiêm rút quân ở Bắc-tâm-bôn về, lại sai Nặc Nguyên viết thư tạ Nặc Chân. Nhưng mà Nguyên cũng chưa về Chân-lạp.

Ngài nghĩ rằng Phiên-quốc mới yên, kho-tàng thiếu thốn, cho Nặc Chân 3 500 lạng bạc, 5.000 quan tiền, 10.000 Lộc lúa.

Nặc Chân sai người đem biếu trần-tạ.

10. — Quân ta xây thành Nam-vang và thành Lô-yêm. Lâm đài An-biến. Trên đài có làm một cái nhà gọi Nhu-viên-đường để cho Phiên-vương vọng bái.

11. — Tháng bảy, làm xong thành Nam-vang và thành Lô-yêm. Truyền sắc Lê văn Duyệt đem quân về, giao Nguyễn văn Thụy lãnh một nghìn quân giữ thành Nam-vang để bảo-lộ Chân-lạp.

12. — Tháng tám, Chân-lạp dâng 88 con voi. Ngài nghĩ nước Chân-lạp mới khôi-phục, khiến quan Gia-định phát bạc kho trả cho Chân-lạp.

13. — Tháng chín, cho Trần Đoàn làm Tham tri bộ Binh cùng với Nguyễn văn Thụy lãnh chức bảo-hộ Chân-lạp. Dụ rằng :

« Nước Chân-lạp mới định, nhân dân chưa yên. Người nên thể đức-ý Triều-định, chớ nên mưu lợi, chớ dung quân giặc, chớ hiếp nạt dân Mường, cũng chớ nhiễu-hại ngoài biên-phương. Người nên kính vâng mạng ta. »

14. → *Tháng mười*, Chân-lạp sai Sứ sang 4 Đình-thần bàn rằng : « Triều-phụ Phiên-vương nên theo triều-phục bậc trên nhất phẩm ». Bèn chế áo măng-bào sắc đỏ và mào-dai ban cho Phiên-vương.

15. — *Tháng mười*, khiến Gia-dịnh nhằm đất Chân-lạp làm ba con đường quán : một đường từ sông Cam-bà đến Khe-răng xứ Quang-hóa ; một đường từ bến Trang-tân đến Đập-đá ; một đường từ thành Lô-yêm đến Chẽ-lăng : Bắt Chân-lạp làm, mỗi 4.000 trượng làm một trạm, mỗi trạm đặt 50 tên lính trạm để chạy công-văn.

16. — Năm **Giáp - tuất** (1814), *tháng năm* Bọn Nguyễn văn Thụy lãnh chức bảo-hộ Chân-lạp việc gì cũng chuyên-quyết mà làm, không hề bàn với Phiên-vương. Phiên-vương phải chịu bó tay, nhân-tình nghi-sợ. Ngải ban chiếu cho Thụy rằng :

« Phạm việc Chân-lạp giao cho Phiên-vương « với Phiên-liêu xử đoán, không được hiệp-chế. « Chỉ có chương-sớ và công-văn thời bọn người « phải tường-duyet, tham-chước rồi sẽ phát đề « về, để cho hiệp sự thể mà thôi. »

17. — *Tháng sáu*, Xiêm sai Sứ sang dâng phẩm vật và tâu rằng : « Triều-đình hậu đãi Chân-lạp vua nước tôi cảm ơn lắm. Nhưng Nặc Chân vốn là phiên-phụ với nước tôi, nếu Chân không sang nước tôi, thì nước tôi cũng không cho Nặc Nguyên về. »

HỢP THƯ

— *Ô. Nguyễn Tâm, Hã* — Đã nhận được ngân phiếu của ông và đã dời địa chỉ

— *Càng các bạn đặt mua 14 số đầu Thanh-Nghị in lại.* — Xin trả lời chung để các bạn rõ là vì gặp nhiều trở lực lớn, nên 14 số in lại bị chậm trễ. Công việc ấn loát hiện chúng tôi đang gắng sức. các bạn vui lòng chờ ít lâu, khi nào xong chúng tôi sẽ tuyên bố lên báo để các bạn biết.

— *Ô. Tạ văn Chúc, Vĩnh-yên.* — Đã nhận được ngân-phiếu 6\$00 của ông mua hạn mới.

— *Ô. Bùi công Trọng* — Đã nhận được tiền ông đặt 14 số Thanh-Nghị in lại.

— *Ô. Phạm Húc, Ninh hoà (Nhà trang).* — Thư tờ gửi cho ông Hoàn, chủ trại gà-thỏ ở Tương Mai, xin đề : O. Văn Hoàn c/o Hiệu Giấy Lelux, phố Tràng tiền Hanoi.

Nguyễn văn Thành biết ý trong thư có hơi bất hòa, cắt hỏi sứ Xiêm.

Lê văn Duyệt cũng có một cái mật-thư tin cho Nguyễn đức Xuyên. Xuyên tâu lên, Ngải dụ rằng :

« Xiêm-la nếu có nói gì, không lấy làm điều. « Ta thường giao-hiệu với Phậ-vương trước, t nh « nghĩa với cha mà lại đánh con, lãn-quốc coi mình « ra gì. Và lại giặc mới vừa yên, ai cũng muốn « nghỉ, ta không ưng làm nhọc tướng sĩ xđug « pha trong vòng tên đạn. Được một nước Chân « lạp mà đề lo cho đời sau, thì ta không làm. « Người phải tỏ ý ta cho Duyệt biết. »

Sứ Xiêm ở lại hơn một tháng, tiếp đãi hậu lắm. Khi Sứ Xiêm về, Ngải tặng hảo Phậ-vương 40 lượng vàng, 500 lượng bạc ; cho vua thứ hai 20 lượng vàng, 100 lượng bạc.

(Còn nữa)

NGUYỄN THIỆU LÂU

(Kỳ sau sẽ đăng nốt tài-liệu
Rồi có bài kết - luận)



TỦ SÁCH
“ TÂN VĂN HÓA ”
25 Septembre 1944
SẼ PHÁT HÀNH :

HỌC THUYẾT

KINH TẾ

TIÊU DẪN GIÁ 4\$00
của Nguyễn hải Âu

CÁC BẠN ĐÓN ĐỌC

NGÀY 10-10-44

SƠ DẠU CỦA

VAN-MO'I

— Tạp chí Nghị luận —

CHIẾN ĐẤU CHO SỰ ĐẮC THẮNG CỦA
TỰ TRÀO TÂN VĂN HÓA

— HAN THUYEN —
71, Tien Tsien, Hano.

CHÍNH SÁCH NGHIỆP ĐOÀN

(Tiếp theo trang 12)

sức ngăn trở không để cho trong nước một quyền-lực kinh-tế gây nên dễ có thể cạnh-tranh với quyền-lực chính-trị của Chính-phủ (1).

KẾT LUẬN

Chế độ xã hội và kinh tế ở nước Đức tổ chức theo hình thức nghiệp đoàn tổng thuộc chính trị với uy quyền của Chính-phủ mỗi ngày một bành-chương, nhất là đến khi người ta cần phải sửa soạn một cuộc chiến-tranh. Lúc đó thì chính-sách toàn-nhất (*régime totalitaire*) phải được áp dụng đến triệt-đề những nghiệp-đoàn để chỉ là những tay sai dễ bảo của nhà cầm-quyền.

Ngoài ra ta nhận thấy mấy điều đặc-biệt của chính sách nghiệp đoàn Đức sau này :

Điều thứ nhất, trái với ở Ý chẳng hạn thợ và được hội-hợp trong những cơ-quan chung, tức nghiệp-đoàn, ở Đức, ngoài sự hợp-tác bắt buộc chính ngay trong công trường theo cái nguyên-tắc kinh-dinh cộng-đồng, chủ và thợ hợp lại ở những cơ-quan riêng : một bên là *Chiến-tuyến lao-động* (tuy rằng pháp-luật nói bao gần cả chủ lẫn thợ nhưng sự thực thì đại đa số là thợ hợp thành cơ-quan này) có chức-vụ hoàn-toàn xã-hội, một bên là những *nghiệp-đoàn của Chính-phủ* lập riêng cho phái chủ và có chức vụ kinh-tế, không kể đến những liên-minh hay tổ-hợp là những cơ quan tư của phái chủ, tuy quyền-hạn kinh-tế còn

(1) Cái chủ-ý đó thực rõ-rệt ở chế độ lợi-tức chẳng hạn sự cấu-tạo lợi-tức tuy vẫn được để tự-do, nhưng sự tiêu dùng lợi-tức bị chế-pháp ngặt nghèo, một lứa thuế má đánh vào lợi-tức làm giảm đi từ 50 đến 70% ; ngoài ra tiền lãi chia nếu quá một giới-hạn nào đó thì bắt buộc phải đặt thành quốc trái. Thành ra sự tự-do về tư-sản tuy vẫn còn, nhưng chính là đoàn-thể công cộng định đoạt một phần lớn lợi-tức kỹ-nghệ (Laufshurger — 1910)

nhieu nhưng ta có thể nói đó chỉ là sự khoan-xá tạm thời của một Chính-phủ toàn-nhất kỳ cho đến khi nào những chủ-nhân của chế độ tư-bản cũ sẽ nhường chỗ cho những thủ-lĩnh của phong-trào quốc-xã. Sở dĩ có những cơ-quan riêng biệt cho chủ và thợ như vậy là vì Chính-phủ quốc-xã muốn loại ra ngoài chính-sách kinh-tế tất cả những ai không có trách nhiệm về sự quản-trị những kinh-dinh và không có đủ kiến-thức và kinh-nghiệm về những vấn-đề thuộc loại đó. Nhưng sự chia rẽ kia có trở ngại cho việc gây mối tín nhiệm chung giữa chủ và thợ, và vì đó đã gây ra sự hiềm khích giữa Chiến-tuyến lao-động và những cơ quan kinh tế trên đây. Cho nên ngày 21 Mars 1935 Bác-sĩ *Schacht*, Tổng-trưởng bộ Kinh-tế (2) và Bác-sĩ *Ley*, Thủ-lĩnh Chiến-tuyến lao-động, đã phải ký một bản hiệp ước để mưu sự cộng-tác giữa những cơ quan xã-hội và kinh-tế và để gây thêm sự chung đưng mật thiết hơn giữa chủ và thợ ngay trong vòng Chiến-tuyến lao-động.

Điều thứ hai đáng chú ý trong nền tổ-chức kinh-tế và xã-hội Đức là cái khuynh-hướng tập-sản (*collectiviste*) ở một chế độ tư-bản nửa chừng. Bản chương-trình Feder (3) vẫn còn công nhận ảnh hưởng tốt đẹp của sáng-kiến tư-nhân trong chính-sách tư-bản chẳng hạn về sự sản-xuất kinh-tế, vì vậy mà những doanh-chủ ở Đức vẫn còn được đôi chút tự-do nhất là về việc tổ-chức sự xuất sản và bán hàng. Những công ty lớn như *Acieries Réunies*, *Dresdner Bank* và nhiều kinh-dinh khác về kỹ-nghệ và ngân-hàng đều trả lại cho sáng kiến của tư-nhân. Nhưng ngay ở địa hạt sản xuất cũng đã có ý muốn của Quốc-gia

(2) Bác-sĩ *Schacht*, một nhân-vật quan-trọng của đảng Quốc-xã, đã thay Đ. K. *Schmidt* (xem Thanh-Nghị số 78) làm Tổng-trưởng bộ Kinh-tế ở Đức.

(3) Tức là Chương-trình 25 điểm của đảng Quốc-xã phần lớn do nhà Kỹ-sư *Gottfried Feder* nghĩ ra.

LỜI VU

(Tiếp theo trang 15)

Phượng — Lẽ tự nhiên là vì em công việc không trôi chảy, chứ còn gì nữa? Nhưng em nghĩ lại có lẽ em đoán nhầm cũng nên, chưa hẳn bà đã có ý như vậy.... Mà này, anh ạ, hay là anh đem em cùng đi?

Bình — Không.

Phượng — (nũng nịu) Anh ạ, anh cho em đi với, em sẽ hết sức hầu hạ anh tử tế. Anh cần có một người trông nom cho anh. Em sẽ khâu tất, vá áo, nấu cơm, làm đồ ăn cho anh. Em làm được hết tuốt, anh cứ cho em đi.

Bình — Chao! Em tưởng anh cần có một người đàn bà đi cùng anh, hầu hạ anh, thì anh sung sướng được hay sao? Nếu thế thì bấy nhiêu năm anh ở trong nhà này, sống thế này cũng đủ lắm rồi, anh còn cần gì nữa.

Phượng — Không! em biết mà: một mình anh đi xa không ai chăm nom, không xong đâu!

Bình — Em không biết ư? Trong tình cảnh ngày nay, anh đem em đi thế nào được?.... Sao em cứ nói chuyện trẻ con thế.

hay Chính-phủ can thiệp vào, như về những cứ-cánh của nền kỹ-nghệ, sự phân-phối nguyên-liệu chẳng hạn. Đến như về chế-độ tư-sản thì chính-sách quốc-xã đã đem lại nhiều điều hạn chế nhất là về động-sản như về sự tiêu dùng lợi tức kỹ nghệ (3) việc định tiền lương cho thợ thuyền, việc giới hạn sự tiêu thụ hàng hóa.

Nói tóm lại đó là một chính-sách tùy-thời, thỏa hiệp nó có thể, như lời Ông *Henry Laufenburger*, Giáo-sư về khoa-học Kinh-tế và Chính-trị tại Viện trung-ương khảo cứu về dân-tộc Nhật-nhĩ ma, để trở lại chế-độ hoàn-toàn tư bản cũng như nhẹ nhàng trôi đến chính-sách cộng-sản của Nga.

(3) Xem chú thích ở đoạn trên.

HẾT

ĐỒ ĐỨC DỤC

Phượng — Không, anh cho em đi cùng, em sẽ không phiền lụy gì đâu mà anh sợ. Rồi nếu như vì em mà người ngoài nói nọ lời kia, cười cợt anh thì em sẽ lập tức đi ngay, anh chớ anh đừng sợ.

Bình — Phượng tưởng tôi ích kỷ đến thế ư? Phượng đừng tưởng thế, tôi sợ gì tiếng nọ, tiếng kia? Mấy năm nay tôi đã làm bao nhiêu chuyện mà.... Chao! lòng tôi bấy giờ bình như chết đuối rồi ấy. Tôi đã bức tức vì tôi nhiều nỗi. Bấy giờ đây, quả tim tôi bình như đã sống lại. Tôi có đủ can đảm yêu.... tôi sợ gì ai bình phẩm, cười cợt? Hừ! rồi đây họ muốn nói gì kệ họ! Có đứa sẽ thăm thì: «cậu cả Bình mà đi khăng khít với một người ở trong nhà!» thì cũng kệ họ, anh chớ sợ, anh yêu anh cứ yêu.

Phượng — Anh ạ, anh đừng bức bối. Dầu anh có làm gì, em cũng không oán anh cơ mà.

Bình — Phượng đang nghĩ chuyện gì đấy?

Phượng — Em ngồi nghĩ anh đi rồi em sẽ thế nào?

Bình — Em chờ anh chứ thế nào nữa?

Phượng — Nhưng anh quên.... còn có người nữa thì sao?

Bình — Ai kia?

Phượng — Anh ấy vẫn vẫn vít cùng em như cũ.

Bình — A! Nó ấy à?.... Nó lại thế nào?

Phượng — Anh ấy lại vừa nhắc lại câu chuyện tháng trước cùng em xong.

Bình — Nó bảo nó yêu em à?

Phượng — Không, anh ấy hỏi em có ưng lấy anh ấy không?

Bình — Thế Phượng giả nhời thế nào?

Phượng — Lúc đầu em chớ nói gì cả. Nhưng sau vì anh ấy cứ hỏi đi hỏi lại, em đành phải nói thực cùng anh ấy.

Bình — Nói thực thế nào?

Phượng — Nghĩa là em bảo anh ấy là em đã nhận lời người khác rồi ấy chứ. Em có nói rõ là người nào đâu.

Bình — Thế nó cũng không hỏi em đã nhận lời ai à?

Phượng — Không. Anh ấy chỉ bảo rằng anh ấy sẽ cấp tiền cho em đi học.

Bình — Đi học? (cười sảng sặc) Thằng bé ngày thơ ấu thế là cùng!... Nhưng biết đâu Phượng nghe Xung nói Phượng cũng không sung sướng hết sức.

Phượng — Không đâu! Sung sướng thế nào? Em muốn suốt đời em chỉ hầu hạ một mình anh kia.

Bình — Nhưng anh năm nay đã ba mươi tuổi đầu rồi mà Phượng thì mới có mười tám. Và lại Xung ấy mà, nó có tương lai hơn anh nhiều..... Còn một điều nữa: anh đã làm những việc mà anh lấy làm ân hận hết sức.

Phượng — Anh, anh đừng nghi nhảm cho em, nỗi lòng em bây giờ khó nói lắm. Anh nghĩ cho em thế nào: Anh Hai thì trẻ con mà mình cứ dấu diếm anh ấy em không thích tí nào. Một mặt nữa anh lại không cho em nói rõ cho anh ấy hay.

Bình — Nào tôi có bảo Phượng đừng nói cho nó rõ đâu.

Phượng — Nhưng mỗi một lúc anh thấy em đứng nói chuyện với anh Hai thì em thấy anh có vẻ....

Bình — Những lúc ấy thì lẽ tự nhiên là anh không có thể vui lòng được, chứ sao? Phượng tính mình thì ấy người yêu của mình chuyện trò thân mật với một người khác, — thì dầu người khác đó có là em một mình nữa, — mình cũng phải khó chịu chứ sao.

Phượng — Đấy, anh lại vờ những chuyện đầu đầu rồi đấy! Thôi anh đừng vờ nữa! Hôm nay em muốn hỏi anh một câu... là thực tình anh đối với em thế nào, anh trả lời mình bạch cho em nghe đi.

Bình — (cười) Anh đối với em thế nào, anh phải nói mình bạch cùng em? Nhưng em bảo anh nói thế nào bây giờ?

Phượng — (buồn bã) Anh, sao anh lại dối em như thế? Em biết anh cũng biết rằng: hiện giờ em là em của anh rồi! Sao anh, . . . nỡ phụ em.

Bình — A! (thở dài) Giới ôi!

Phượng — Anh à, chẳng em chỉ biết đi xúi tuýt, anh Hai em cơ hồ không muốn nhìn em: anh ấy bảo rằng em là một đứa con gái không có một tí chí khí nào. Câu chuyện này, nếu em biết, thì lẽ em chết tức tức đi với em được. Anh ơi, cha em, để em, anh em rồi đây có ngày cũng chẳng nhìn em nữa đâu. Anh đừng khinh rẻ em, anh đừng phụ em! Không có anh em chết mất mà thôi! (nức nở khóc)

Bình — Đừng! Đừng thế. Phượng à! Phượng đừng khóc để anh nghĩ xem, có cách gì hay hay một tí không đã.

Phượng — Để em cùng em lắm kia, để em có bao giờ ung cho em lên đây đi làm đầu! Em sợ rồi đây để em biết rằng em đã lừa để em để vào đây đi làm, lại còn lãng lư nọ kia thì.... và nếu như anh không thiệt lòng cùng em thì thiệt là chính tay em giết để em chứ chẳng không, (khóc) Lại còn. . .

Bình — Phượng đừng thế. Phượng đừng nghi Bình nữa mà tội. Anh van em, . . . rồi tối hôm nay thế nào anh cũng lại đăng nhà em.

Phượng — Không! đừng đấy! Hôm nay để em vừa ra.

Bình — Thế thì chúng mình gặp nhau ở ngoài đường cũng được chứ gì.

Phượng — Không được là vì em phải ở nhà nói chuyện cùng để em chứ.

Bình — Nhưng sáng mai anh phải đi chuyển xe sớm kia mà.

Phượng — Thế anh nhất định không đem em cùng đi ư?

Bình — Em trẻ con quá! Cùng đi thế nào.

Phượng — Vậy thì anh, . . . anh để em nghĩ xem.

Bình — Anh phải đi trước chứ! Ít lâu nữa anh sẽ tìm cách nói rõ đầu đuôi câu chuyện cùng ba rồi mới đón em lên sau được.

Phượng — (nhìn Bình) cũng được, rồi thì tối hôm nay anh cũng hãy cứ lại đăng nhà em đã, có lẽ ba cùng em sẽ ngủ phòng ngoài, anh Hai thì anh ấy không ngủ ở nhà rồi chắc là cái phòng em lại chỉ có mình em

Bình — Thế thì hay : thì nào anh đến anh sẽ huyết sáo thế này nghe (*huyết sáo*) Phượng nghe rõ chưa ?

Phượng — Vâng. Khi ấy nếu như em muốn cho anh vào thì trước cửa sổ em sẽ thắp một ngọn đèn, nếu không thấy đèn nhất định anh đừng vào nhà !

Bình — Sao lại đừng vào ?

Phượng — Nghĩa là em không muốn anh vào, là trong nhà còn nhiều người chứ sao.

Bình — Thế cũng được, 11 giờ tối nhé.

Phượng — Vâng, mười một giờ.

Quý từ ngoài cửa giữa bước vào, trông thấy Phượng và Bình bỗng đứng dừng lại, và cười có vẻ hiểu rõ đầu đuôi câu chuyện

Quý — Kia ! Phượng, cha tìm con từ hồi nãy đến giờ. (*hỏi Bình*) Anh Cả ăn cơm rồi ư ?

Phượng — Cha tìm tôi làm gì ?

Quý — Để mày vừa đến xong.

Phượng — (*mừng rỡ*) Để đến rồi ! Thế để ở đâu.

Quý — Đang ở ngoài cửa ấy. Vừa gặp anh mày đang còn nói chuyện.

(*Phượng đi ra phía cửa giữa*)

Bình — Phượng, nhớ nói với đề rằng tôi gửi lời thăm.

Phượng — Không dám ạ ! Cảm ơn anh Cả. (*Phượng ra*)

Quý — Thưa Anh Cả, anh định ngày mai phải không ?

Bình — Phải rồi.

Quý — Vậy tôi sẽ đưa anh lên xe.

Bình — Cảm ơn, nhưng đề tôi đi một mình cũng được.

Quý — Chào ! Lâu nay anh ở nhà, bọn thầy tớ chúng tôi được nhờ nhiều bề. Rồi đây anh đi tới và cả tại thầy tớ trong nhà sẽ nhớ quá đi mất !

Bình — (*Cười*) Cụ Quý lại hết tiền tiêu rồi chứ gì.

Quý — (*Cười nịnh*) Anh cả cứ cười tôi luôn. Rồi tôi nghiệp. Nhưng tôi trong lòng thế nào thì tôi nói thế ấy. Cháu Phượng nó cũng biết những

lúc vắng mặt Anh Cả tôi đây cũng vẫn nói tốt anh luôn luôn.

Bình — Thế thì hay lắm... Bây giờ cụ cần gì không ?

Quý — Không mà, có việc gì đâu. Chẳng qua trước lúc anh cả lên đường tôi muốn bàn cùng anh Cả vài việc vặt. Số là hôm nay để con Phượng tới đây là vì bà chủ muốn gặp mặt...

(*Phồn y ở đường cửa phòng ẩn đi vào, Lỗ Quý liếc thấy, bỏ dở câu chuyện không nói nữa*)

Quý — Dạ, bẩm bà, bà đã xuống gác, bà đã khỏe hẳn chưa (*Phồn y gột đầu*) Bẩm bà mấy hôm nay con vẫn nhớ cháu hỏi thăm...

Phồn y — Cảm ơn. Không có việc gì, cho bác ra.

(*Quý chào khúm núm và rón rén bước ra*).

(*Còn nữa*)

ĐẶNG THÁI MAI dịch.

ĐÃ CỎ BÁN

THO' MÂY NGÀN

BÀI 2 MÀU, BÌA 3 MÀU DO HOA-
SĨ MẠNH - QUỲNH TRINH BÀY

Giấy bản nghệ thuật... .. 7500

Giấy sếp trắng (còn 5 bản) 15500

ĐANG IN

KHÔNG TỬ HỌC THUYẾT (II)

500 trang 20.000 chữ Hán

TRIẾT HỌC TẬP BÚT

QUỐC HỌC THƯ XA

— phát hành —

= TIỂU THUYẾT TÀU =

(Tiếp theo trang 10)

phức tạp làm cho ta hồi tưởng đến các tiểu-thuyết tình bên Tây-Phương. Truyện nào cũng có mạch lạc, có mở đầu, rồi dần dần đưa người ta đến chỗ rất ham mê, trước khi kết cục, các vai truyện đều tả một cách rất khéo và rất tỉ mỉ. Đoạn kết làm khi rất bất ngờ, thực chẳng khác lối bố - cục của Tiểu-thuyết Tây-phương. Người Tàu thường nói: chúng ta phải đọc tiểu-thuyết đời Đường — tuy toàn là tiểu-thuyết nhẹ-nhàng về ái-tình và đàn bà, nhưng viết rất hay, rất cảm động làm cho ta không thể không xa lẽ.

Ta không nên lấy làm lạ khi nhận xét rằng: những ái-tình tiểu-thuyết đó không nói về ái-tình về sau kết cấu bằng nhân duyên, mà phần nhiều chuyên chú về những mối tình mà bên Tây-Phương thường gọi là lãng-mạn, hay là ái-tình ngoài cuộc nhân duyên.

Ta nên đề ý rằng những chuyện nào đã động đến hồn nhân bao giờ cũng kết - cấu một cách rất bí mật. Hai bộ truyện hay nhất của Pei-li-Shi và Chiao Tang Shi đều nói về ái-tình ngoài cuộc, hôn-nhân, và như có ý muốn tỏ cho người đọc biết rằng: bọn gái giang-bô không phải là 1 người thô lậu dốt nát như người đời đã tưởng. Trong truyện này ta thấy những á thanh-lâu biết hết cảm, kỷ, thi họa đủ mùi ca ngâm, và hơn nữa những á đó rất đẹp, đẹp hơn bọn đàn bà « tâm thương chính chuyen » bọn đàn bà mặt vàng như nghệ, theo như câu nói của người Tàu, một chữ cũng không biết.

Cái khoyun-burong tả một hạng người mà nhà đạo đức thời bấy giờ không dám nhìn đến, mạnh mẽ đến nỗi nhà cầm quyền phải lo cho phong-tục dễ bị suy đồi, vì những tiểu-thuyết này rất được dân-chúng hoan nghênh... Các nhà « học-sĩ » ăn lương bên thì nhau xuyên bố chỉ dụ nhà vua cho rằng tiểu-thuyết ái-tình này có tư-trưởng cách-mệnh và nguy-hiểm cho luân-lý vì đã làm lay chuyển nền tảng văn-minh Trung-quốc tức là Gia-tộc.

Cho nên chẳng bao lâu có một loại truyện đạo đức ra đời để bênh vực luân-lý và gia-dinh: trong bộ tiểu thuyết trứ danh của Hui Chen Chi ta sẽ gặp một người thanh-niên tuy yếu năng Ying Ying rất sinh đẹp, nhưng sau rốt cũng phải gạt lệ mà từ giã nàng. — Khi từ biệt, chàng thanh-niên có nói: (và động nói xem ra nhớ lắm) Những người đàn bà nào khác thường đều nguy hiểm cả. Họ tự phá tan đời họ, và phá tan đời người khác, có khi họ làm hại cả đến một đời vua. Tôi không phải là một ông vua. Tôi phải từ giã nàng. Mà chàng từ giã thật, các nhà đạo đức đều nhao nhao thân pốp cử chỉ đặc luân-lý ấy. Ying Ying giả như Anh ở gần đây — ruộng bỏ em.

Em không dám trách anh... Nói xong dơ tay áo rộng che mắt và quay đi. Nhưng chuyện chưa hết đây. Năm thế-kỷ sau — lòng chan chứa tình cảm của người thương-dần Trung-Hoa lại vùng dậy, và truyện khó khan này đã chuyển hẳn ra thành một truyện hoàn toàn khác: các nhà văn sau này lại cho hai người được xum họp và trong đoạn kết nói: Hết tất cả những người yếu nhau trong thiên-hạ đều chỉ mong được xum họp trong « cuộc hôn-nhân ». — Ở Trung-Hoa năm thế-kỷ chẳng là mấy để chờ một cuộc xum họp xung sướng.

Bộ tiểu-thuyết này rất có tiếng ở Trung-Hoa. Đến đời Tống, có một nhà văn sĩ tên là Chao-Tse Liang đã theo cốt truyện viết thành thơ dài, nhan đề là « Con bướm dùng đăng » — Đời Nguyên đem chuyện ra diễn thành kịch và sang đến đời Minh thì truyện đã phân tách ra hai bản khác nhau nhưng bản nào cũng có giá trị, đến con nít cũng biết đến tên Chang Sen, vai chính trong bộ tiểu-thuyết.

Tôi đã nói hơi dài về tiểu-thuyết đời Đường vì một lẽ sau này: tiểu-thuyết đời đó đã đem lại cho văn-chương Tàu một tình-cảm mới: giữa đàn ông và đàn bà ngoài cuộc hôn-nhân đã được phổ diễn một cách thực là sâu xa, khéo léo, chẳng kém gì những tác-phẩm rất hay của Tây-Phương. Nhưng đời không phải là chỉ có Ái-tình tiểu thuyết. Các nhà viết truyện thời đó cũng có viết về những thể khác, một truyện rất có tiếng chỉ nói toàn về « gà trội » một thứ giải trí rất được hoan nênh, từ vua đến quan, ai ai cũng chơi gà trội. Có một truyện rất hay nói cho ta biết làm sao mà anh chàng Chia Chang chỉ biết nuôi gà trội đã lần lần được vào cạnh vua và được vua mến, và thường dân cũng mến hẳn như vua.

Nhưng thời gian qua, tiểu thuyết vẫn ngày ngày tấn tới và thay đổi. Đến đời Tống và Nguyên thì tiểu thuyết rất hay và văn chương thực là giản dị, nhưng rõ ràng; dễ hiểu... nhất là đến đời nhà Nguyên thì tiểu thuyết Tàu đến một trình độ toàn mỹ với quyển Hồng-lâu-mộng (Hong lou Mong) Hình như trong truyện thế kỷ trước, tiểu thuyết khó khăn nhọc nhằn mới lách qua nổi những sự dè dặt của « nhà nho » và đến đời Nguyên thì vụt lên, như nhựa đã thành hoa sau khi phải chảy qua rò qua cành và gặp lắm rồi khúc khuỷu.

Đến đời Nguyên, dân Mông cổ đem lại cho nước Trung-Hoa đã già lắm sức mạnh mẽ và bộ óc mới mẻ của một dân tộc trẻ trung hàng hải. Đối với dân Mông cổ, thì những kinh truyện khó khan của nhà nho không được hiểu lắm. Cho nên đời Nguyên là một đời mà tiểu thuyết cũng là kịch được các vị vua chúa rất hoan

ngành. Trong khi được « vua yêu chúa nể » như vậy (nhưng các nhà nho vẫn phải đối thi tiểu thuyết Tầu đã tới một mức độ cao nhất mà từ xưa đến nay, chưa từng tới bao giờ, tôi muốn nói đến ba bộ tiểu thuyết cổ tiếng nhất, hay nhất của Trung-Hoa thì nhau mà ra đời dưới triều Mãn Mông: ba bộ đó là Tam-Quốc, Thủy-hử và Hồng lâu mộng.

Tôi muốn cho các ngài hiểu địa vị ba bộ đó trong lòng người Tầu, tôi muốn phổ bày cho các ngài rõ ý nghĩa những bộ truyện đó đối với người Tầu.

Điều thứ nhất là tôi nghĩ rằng không có bộ tiểu thuyết Tây Phương nào có thể so sánh với những bộ tiểu thuyết đó. Chúng ta làm gì, ra bộ tiểu thuyết được đọc, được hiểu, được thuộc đến nỗi khi đọc đến đoạn nào ta nhớ ngay được đây là chỗ hay nhất làm lý lẽ, lý lẽ, lý lẽ cuối nhất. — Ba tác phẩm tuyệt mỹ này thì người Tầu nào cũng hiểu, và 3 tác phẩm đó hoàn toàn diễn tả nước Tầu và tiểu biểu cho thứ « văn chương », của thường dân, một công nghiệp của thường dân chứ không phải là của một đẳng phái nho học nào. Xin các ngài nhớ rằng các nhà nho, các quan nghĩ sự, cũng là các triều vua liên tiếp làm chủ nước Trung-Hoa đều đồng thành phần đối và hơn nữa « bầm » ba bộ Tiểu thuyết này, họ cho là những chuyện này nguy hiểm, cách mệnh và có thể ảnh hưởng xấu xa cho phong hóa. Nhưng dù sao, những bộ sách đó vẫn sống, vẫn nảy nở như hoa rừng, vì thường dân vẫn đọc, vẫn truyền tụng cho nhau và vẫn ghi khắc những truyện đó một cách vĩnh viễn vào trí nhớ bằng cách đem cốt truyện diễn thành vở kịch hoặc những bài thơ rất dễ nhớ: cả đến con nít cũng thuộc.

Tại làm sao những tiểu thuyết đó được bọn thường dân hóa thành như vậy: vì một lẽ rất giản dị, chính những người trong hàng thường dân, đã làm ra những bộ truyện đó. — Tuy làm nhà khảo sát ngày nay cho rằng Thủy-hử là của Thi-Nại-Am làm ra, nhưng sự thực thì Thủy-hử là một văn phẩm của rất nhiều người nối kế tiếp nhau làm ra. Truyện này ra đời trong khi nhà Tống đã suy lắm, giặc giã trong nước nổi lên như ong — bọn Đại-Vương trên các quả núi giữa thì nhau không biết đến Triều đình. Mà Thủy-hử, xét ra cho đúng, là chính chuyện bọn này, Thủy-hử tức là tấm gương phản chiếu một cách rõ rệt tình hình xã hội nước Tầu đời Tống mất. Ngay cả đến sáo huyệt của bọn « hảo hán » cũng thực, hiện nay bên Tầu người ta còn truyền tụng và nhận rõ Lương-sơn-bạc còn ở tỉnh Sơn-Đông — Đời Hui-Chung (Huệ tôn) nhà Tống bấy giờ nước đã bắt đầu loạn bọn giặc thì giặc thêm bọn cướp thì nghèo đói. Khi nhà vua không còn đủ binh lực binh kế nên hèn thì bọn « hảo hán » trong nghèo khổ phải ra đời để thay và hành

dạo — Đây, tình thế xã hội Tầu bấy giờ là thế, ai đã xem qua Thủy-hử thì rõ hết.

Tôi không có thời giờ để kể lại một cách tỉ mỉ cho các ngài liếc về lúc « ra đời » cũng là những cảnh thay đổi của quyển tiểu thuyết đó. Sự mà tôi chắc nhất là Thủy-hử không phải văn phẩm riêng của Thi-Nại-Am. — Người ta nói rằng: Thi đi chơi thấy quyển chuyện trong một hàng sách mua về rồi viết lại với một dòng văn chương giản dị và rõ ràng hơn văn quyển trước. Sau Thi-Nại-Am lại còn nhiều nhà văn khác chữa đi chữa lại, thành ra đến ngày nay có tới 5, sáu bản Thủy-hử khác nhau. Có bản chỉ văn vẹn 100 hồi, có bản dài tới 127 hồi. Bản mà người ta nói chính tay Thi-Nại-Am viết ra thì có 120 hồi — nhưng bản được nhiều người biết phát ngày nay chỉ có 70 hồi — Bản này là của nhà danh-sĩ tên là Ching Shen Tzu đời Minh. Người ta nói rằng: Ching không muốn cho đứa con gái đọc Thủy-hử bản ngày xưa nên viết lại một bản khác giản dị hơn cho con đọc, vì Ching biết rằng: một đứa trẻ mà muốn đọc Thủy-hử thì không dám nổi nó (Còn nữa)

LÊ VINH GIÂN dịch

= HỌC THUẬT VÀ HÀNH ĐỘNG =

(Tiếp theo trang 8)

Riêng về phần luận, nếu như bạn nhận thấy trong trường ngôn luận những điều sai lầm trong sự nhận thức về thực tế, về lý luận, thì hẳn nhận của bạn đối với họ, đối với phẩm giá của tư tưởng, đối với tiền đồ học thuật của nước nhà, trước hết là phải dìm dặt họ ra khỏi con đường lầm lỗi, chứ sao?

Ngồi mà lo? Vô ích! Phải suy nghĩ, phải quan sát, phải hành động.

Sống, trước hết là phải cứu chuyện cơm đảm, « đảm » đi tới.

Điều cần thiết cho chúng ta ngày nay, bạn ạ, là duyệt lại những tư tưởng lạc ngũ, những khái niệm như là học thuật, hành động, tự do, quyền lợi... v.v.

Một nhà học giả đã viết được một bài đại luận về vấn đề: « Triết lý của sự khổ khổ. » Một nhà học giả khác lại viết được một bài vĩ đại hơn nữa, ấy là tập sách « Cái khổ nạn của triết học ».

THANH TUYỀN

Một đồn điền lớn ở Thái-nguyên

(Tiếp theo trang 6)

phải nộp thuế, và một số lương tháng hiện thời là 30\$ (cơm miễn). Bác ta giữ việc liên lạc với các tá điền và đến vụ gặt thu thóc của họ cho ông chủ. Có lẽ cái nguồn «bằng ngoại» là ở đây. Ngoài bác này ra, những tá điền thâm niên nhất cũng mới đến làm ăn chừng 6, 7 năm nay thôi. Những người cũ hơn không còn, «cứ người ra người vào luôn luôn — lời bác Cai —»

Nghĩ đến một vài khu đồn điền cao xù ở miền Nam, tôi muốn tìm ở đây một phòng chữa bệnh hay một lớp học cho dân hàng ấp, nhưng không có.

Nói tóm lại chủ-nhân cái đồn-điền này, khi mua và hiện nay khai khẩn chỉ chú ý đến 3000 mẫu ruộng tuy chỉ là 1 phần mười diện tích của toàn khu nhưng hiện nay là nguồn lợi to lớn nhất. Nếu lấy óc nhà buôn mà suy tính thì đây không phải là một điều lã. Bỏ ra 270.000\$ mà mua được 3000 mẫu ruộng (giá ruộng ở Thái Nguyên cũng phải hơn bù kém 50\$ một mẫu) 100 con trâu (trung bình một con trâu ở đây giá 400\$) một tòa nhà hai tầng rất lớn, 30 con bò với bao nhiêu đôi rừng thì chỉ nguyên số ruộng và số trâu theo giá hiện thời cũng đủ đáng với số tiền vốn bỏ ra. Hoa lợi là tiền bán thóc 64.000\$ và tiền bán trâu con, bò con 6.000\$ tất cả là

0 000\$ so với tiền vốn mua 270 000\$ thì số lãi được là 25% một năm. Một bất động sản mà nh lợi được thế kể là có giá trị lắm rồi đối với một người dư sản và chỉ cần đổi tiền bạc ra thành của chim. Nhưng con nhà kinh-doanh về đồn-điền lại có một lối suy tính công việc trái ngược hẳn, và khi trông thấy hàng vạn gốc chè và cà-phê bị bỏ lại, không khỏi ngậm ngùi than tiếc cho cái cơ sù y vọng của một đồn điền vĩ đại, kết quả của bao nhiêu công phu khó nhọc và

vốn liếng. Đối với hạng người sau này, một chủ đồn điền ở mạn ngược không thể trông mong về hóa lợi của ruộng nương, vì ruộng xấu, số thóc không được nhiều bán đi chỉ đủ giả công người làm. Ở một đồn điền trên mạn ngược, ruộng chỉ nên coi là nguồn hoa lợi của điền tối vì họ là bọn người lấy công làm lãi. Còn kẻ bỏ vốn kinh-doanh phải trông vào những thứ giống giọt có tính cách kỹ nghệ là những cây chè, trâu, cà phê, sơn, hồi v. v., phải tìm lợi ở đây và để lợi về ruộng nương cho tá điền là bọn người sẵn sàng cung cấp nhân công cho chủ. Tình thế đó xưa nay vẫn thế. Nhưng kịp đến thời kỳ bất thường này vì có chiến tranh nhiều đồn điền chè và cà-phê không đứng vững được vì các hàng đó bị mất giá, mà trái lại giá thóc gạo và nhân công cao quá. Cái đồn điền trên kia may có nhiều ruộng nên số lợi tức không bị sa sút. Nhưng nếu chỉ trông thấy giá hiện thời mà bỏ chè, bỏ cà-phê không chịu tổn tiền trông nom (làm cỏ, sên cây, bắt sâu, bón sỏi) và chỉ chăm việc thu thóc thì thật là vì cái lợi trước mắt mà tự tay phá hủy cái cơ nghiệp của mình. Sau này, hết chiến tranh, giá thóc gạo sẽ hạ, làm ruộng ở mạn ngược không có lợi cho chủ, mà chè, trâu (tất nhiên sẽ có giá vì tiêu thụ tăng và xuất cảng được) thì bị hỏng rồi, vì những đồi trà là những cây cao có bộ không hái quả cũng không sao, chứ những đồi chè, đồi cà-phê bỏ không trông nom thì chỉ hai năm là biến thành những rừng cỏ dại và cây gai, rậm rạp, chỉ chít, có khai phá lại, còn tổn kém hơn xưa mà đất thì rạc mất rồi.

Những khu chè và cà-phê ở đồn điền trên chưa đến nỗi vào tình cảnh ấy. Nhưng phải chữa chạy gấp nếu không thì cả cái đồn điền lớn ấy sẽ bị hỏng. Phải có ít ra là 100 phu lúc nào cũng làm việc mới trông nom được những khu đó. Chỉ

kể công việc dọn cỏ, vun sới, bắt sâu chứ chưa nói đến bọn phu hái búp hái quả và thợ chế chè và cà-phê. Tiền công mỗi ngày, trung bình 1\$50 một người thì mỗi tháng phải tiêu tới 5000\$ tính cả tiền lương các người coi phu: một số tiền khá lớn đủ làm tròn chủ nhân! (số lợi tức hằng tháng là: 6500\$, đã phải tiêu mất 1000\$, giả lương quản lý và các cai). Song một đồn điền vĩ đại như thế tiềm tàng bao nhiêu nguồn lợi khác. Chỉ cần hoạt động thêm là không những đủ tiền phí tổn trông nom mà còn thu được những số lãi rất lớn. Trong đồn điền có những giải đất chạy dài theo dọc sông Cầu là những khu rất tốt để giồng dâu. Chưa cần nói đến chuyện chăn tằm là một nguồn lợi không nhỏ nhưng phải tốn công chăm chút và có người quen việc, cứ giồng chừng 50 mẫu dâu để bán lá cũng có thể thu được hàng vạn bạc (một mẫu dâu mỗi tháng rẽ cũng được 500\$ lá) Hình như ông quản lý mới đang trừ tính công việc này. Lại trong 3000 mẫu ruộng, sao không có thể giồng lấy độ 100 mẫu bông vào vụ chiêm. Dân huyện Quỳnh-côi tỉnh Thái-bình vừa rồi (tôi có dịp đã đến tận nơi xem xét) làm ăn sỏi lỏi lắm nhờ ở giồng bông (giồng bông Thanh - hóa) Mỗi mẫu bông trung bình bán được 2000\$ bông mà vốn mất vào khoảng 300\$. Tất nhiên phải xem giồng bông ở vùng Thái-nguyên có hợp thủy thổ không đã. Nhưng cứ biết giồng dâu thì đã có nhiều người làm và kết quả rất tốt đẹp. Trong đồn điền trên, còn bao nhiêu là rừng gỗ và cải. Sao không có thể khai cái nguồn lợi ấy, trong khi giá củi giá gỗ, giá than rất cao, nhất là trong ấp lại sẵn có trâu có thể dùng để kéo gỗ? Một vấn đề khó khăn là nhân công. Nhưng đây thuộc về công việc tổ chức, nhờ ở tài sức của viên Quản-lý.

« Cụ đã tính công việc nên xếp đặt như thế nào chưa? Đó là lời tôi hỏi ông ta.

— Tôi cũng biết cái đồn điền này thiếu trông nom. Trước khi nhận việc với ông chủ, tôi đã xin toàn quyền hành động nếu không thì tôi không nhận. Nhưng tôi mới lên đây được hơn

một tháng, giấy má sổ sách cũng chưa kịp xem, thì đã làm gì có chương trình làm việc!

— Ít ra thì cụ đã đi thăm hết « giang san » của cụ rồi đấy chứ?

— Chưa

— Thế trong một tháng ở đây cụ đã làm những việc gì?

— Ngoài một ít công việc lật vật (như hôm nay, tôi chủ tịch cuộc bầu « lý-trưởng » một làng rong ắp) và đi thăm vài nơi bên lĩnh-lý, xuất ngày tôi chỉ đọc sách »

Chúng tôi mỉm cười, và cáo từ, trong bụng hơi ngạc nhiên về cái lối hoạt động của viên quản-lý này, có khác cách làm việc của bọn thanh niên mình: chậm chạp thật! nhưng biết đâu... lại không chắc chắn hơn!

V. II

ĐÃ PHÁT HÀNH:

**Văn chương
= và xã-hội =**

của **LUONG ĐỨC THIẾP** Giá 2\$50

nghiên cứu về nguồn gốc văn học và nghệ-thuật
 tính cách dân cấp trong văn-học Việt Nam. Xu
 hướng xã-hội trong văn-học Việt-Nam hiện đại

**ĐANG IN: KHÔNG GIÁO VỚI ÔNG ĐÀO
DUY ANH** nghiên cứu của **NGUYỄN UYÊN DIEM**

VIẾT VÀ SỐNG bình luận về văn học Việt-nam
 của **NGUYỄN XUAN HUY**

CÒN MỘT ÍT: MẸ TÔI tiểu thuyết gia-đình
 của **NGUYỄN KHÁC MẮN** Giá 3\$80—**VĂN HỌC
 VÀ TRIẾT LUẬN** của bà **MỘNG SON** Giá 2\$50

ĐẠI HỌC THU XA

181, Bd Henri d'Orléans, Hanoi

— Giám đốc **LÊ MỘNG CẦU** —

TIN TƯỞNG VỚI A TÔNG

(Tiếp theo trang 3)

Căn cứ vào sự chân thành ư ?

Kề thì số đông bọn a tông là bọn tham danh lợi chốc lát, nhưng cũng có người a tông vì cảm tình, mà thiếu suy nghĩ: vậy chân thành chưa đủ để mà có tin ngưỡng.

Căn cứ vào học thức ư ?

Học thức cũng là một thứ bảo đảm về sự suy xét. Nhưng tiếc thay học thức không phải là bùa đủ tránh danh lợi, và nhiều kẻ học thức lại đầu cơ sở học của mình. Vả chăng học thức và chân thành nữa cũng chưa đủ, vì học thức nhiều khi xa thực tế.

Căn cứ vào kinh nghiệm ư ?

Có lẽ đó là bằng chứng tốt nhất để phân biệt tin tưởng với a tông. Người đã từng trải gian truân mà không thay đổi ý kiến của mình, có thể gọi là người có tin tưởng chắc chắn. Kinh nghiệm có giá trị hơn cả học thức vì kinh nghiệm vừa là một sự bảo đảm về « tri » lại về « gan ». Nhưng tiếc thay kinh nghiệm rất hiếm, nhất ở trong giới thiếu niên, mà chính ở trong giới này mới hay có sự lẫn lộn giữa tin tưởng với a tông!

Cho nên rút cục lại, muốn phân biệt chân, ngay có lẽ phải căn cứ vào cả ba điều kiện kể trên; và may ra nhờ đó mà có thể một mặt tránh được cái tai nạn những « lý thuyết mập mờ, những lập luận quá ư thiên lệch » mà bạn Tân Phong đã tố cáo trong bài « thư gửi cho bạn » (T.N. số 76) và một mặt nữa vẫn khuyến khích, vẫn hưởng ứng, vẫn khâm phục những « nhiệt tình » do « sự suy nghĩ, quan sát hành động » mà có thể « duyệt lại những tư tưởng lạc ngũ » mà bạn Thanh Tuyền đã tán thành trong bức thư « giả lời cho bạn » (T.N. số này).

PHẠM QUÂN

VIỆT NAM
PHẬT GIÁO
SƯ LƯỢC
của MẬT THỀ (giáo-sư trường Sơn-Môn
Phật-Học Huế) — Tựa của TRẦN VĂN
GIÁP (trưởng Viễn-dòng Bắc-cổ Hà-nội)
Sách dày 300 trang, in trên giấy
trắng (blanc art) kèm thêm 8 bức địa
đồ chỉ rõ các tông phái nhà Phật và
nhiều bài thơ của các vị cao tăng
IN CHỮ HÁN GIÁ 11050
TÂN VIỆT 29 LANBLOT - HANOI

MỤC VIÊN
PACIFIQUE
XANH - TIM
KHÔNG PHẢI MÀU - KHÔNG CẦN
CÓ BÀN TẠI CÁC HÀNG SÁCH, Bùn buôn,
theo giá Hội Đồng Hòa Giải ấn định
DO VĂN THIỆU
68 - Marcelle Foch
Vinh, Bưu điện n° 11
F. D. L.

Việc quốc tế

TỪ 31 AOUT ĐẾN 12 SEPTEMBRE 1914

Mặt trận Á-Đông

Ở Trung Hoa quân Nhật và quân Tàu giao-chiến tại Vinh phong (Giang-tây), Liên-giang (Quảng-đông) Nghi-xương (Hỗ-bắc); Nhật hạ được Lishui (Chiết-giang), Bishuir (Giang tây), Chiyang Và Chang-ning (Hỗ Nam) và tiến qua phía Nam Hành-dương 10 cây số. Có tin tới 3 vạn quân Mỹ sang Trung-hoa (vùng-Hành-dương) và sẽ giao-tranh với quân đội Nhật ở đây. Đồng thời phi-cơ Nhật đánh phá các nơi: Enshih (Hỗ-bắc) Lương sơn (Tứ xuyên) Linh-lăng Chi-giang Linchow (Quảng tây) Toại-luyên (Giang tây), Vân-Nam (tự Diên Điện lên).

Trên Thái-bình-dương, quân đội Nhật vẫn kháng chiến trên các đảo Guam, Tiaian. Không quân Mỹ hoạt động trên các đảo Nouvelle Guinée, Halmahera (Molleques) Célèbes, Louk, Mindanao (Philippines) Roja, Ogasawara (Bonin), Đài-Loan.

Mặt trận Ý

— Ở phía Đông, quân Anh hạ được Fano, Salu-docis và tiến đến gần sông Marano.

— Ở phía Tây, quân Mỹ chiếm đóng Pise, Altopascis.

Mặt trận Nga

— Vùng Varsovic — Bialystock, quân Nga hạ được Ostrow Mazo-wiecki, Radzymin Wyskou, Ostrolenka.

— Trên đất Lỗ, Hồng quân tiến xống phía Nam tới đất Bão. Chính phủ Bão đã xin đình-chiến và hình như lại tuyên chiến với Đức (6-7 Septembre)

— Ở phía Bắc, nước Phần lan cũng đã xin ký hòa ước với Nga từ 4 Septembre.

— Tại Tiệp Khắc dân-quân nổi loạn và chống lại Đức.

— Tại Nam tư lập phu quân nhảy dù Nga hạ xuống nhưng đều bị hại.

Mặt trận Tây-Âu

Tại Bắc Pháp trong khi ở Bretagne quân Đức vẫn còn có giữ quân cảng Brest bị bao vây thì tự cửa sông Seine qua Rouen, Paris tới Troyes quân Đồng-minh đã tiến nhanh lên phía Bắc và sông Bắc.

— Trên bờ biển Manche quân Anh tiến chậm, tuy chưa chiếm được le Havre mà đã vượt lên phía Bắc hạ Dieppe Abbeville, và mỗi ngày gần đây (11-9) mới có tin chiếm đóng những hải cảng Boulogne, Calais Dunkerque.

— Trong khi đó suốt từ Rouen đến miền Tây-Bắc Paris, quân Anh Mỹ tiến lên phía Bắc, vượt qua biên thủy Pháp-Bỉ từ bữa 3-4 Septembre chiếm được hầu hết các đô-thị lớn, kể cả Kinh thành Bruxelles. Hiện nay mặt Bắc, từ bờ biển phía Bắc Bruges qua Gand tới Anvers quân Đồng minh tiến đến gần biên thủy Hà-Lan. Mặt Đông-Nam, từ Maas-tricht xuống đến Luxembourg, quân Mỹ tiến đến biên thủy Đức sau khi hạ được Liège, Verviers, Neufchâteau, Luxembourg.

— Nhưng ở miền Đông-Bắc Pháp từ Troyes qua Châlons-sur-Marne vòng lên Reims, quân Mỹ vượt qua sông Meuse tiến đến sông Moselle, hạ Nancy, Metz, Thionville ở miền Lorraine và đã chạm đến chiến-lũy Maginot.

Tại Nam-Pháp, theo ven bờ Địa-Trung-Hải từ Marseille tiến về phía Tây quân Đồng-minh chiếm Nîmes, Montpellier, Béziers Narbonne và tới dãy núi Pyrénées gần biên thủy Tây-ban-nha. — Về phía Đông, từ Nice quân Đồng-minh đã vượt qua biên thủy Ý tới Vintimille.

— Theo dọc sông Rhône và sông Saône, bờ phía Tây quân Mỹ tiến từ Privas qua Villefranche, Mâcon le Creusot, Châlons sur Saône, Beaune, đã lên tới Dijon — Ở bờ phía Đông quân Mỹ từ Montélimar qua Valence, Vienne, Lyon, Bourg, Lons-le Saunier, Dôle, Besançon, Montbéliard đã tới gần Belfort cách 10 cây số về phía Nam, — Trong khi đó trong miền núi Alpes, quân Mỹ từ Briançon tiến lên phía Bắc, dọc theo biên thủy Pháp-Ý đã lên tới ngang Montbéliard

Đ. Đ. Đ.

... Lại phải học lại cách sinh hoạt, cách hành động công cộng, là mở rộng cái tâm thần của mình mà thu lấy những cái khí hòng vĩ của đoàn thể nó phối hiệp với những cái di truyền của tiền nhân cùng là những tiếng gọi của tương lai

MARÉCHAL PÉTAIN

Sách mới

B. Đ. ÁI MỸ — TRINH TIỀN

Tình thơ

Loại sách « Tuổi vàng »

Những nét tình đậm đà
trong những lời thơ mới mẻ

In toàn giấy tốt — Bìa cứng hai màu

Giá mỗi cuốn 2\$50

Bản quý có chữ ký tác giả 5\$00

Chỉ trừ bán tại nhà xuất bản

Quý-vị đặt mua xin viết thư cho

Ô. BỬU ĐÀO

Nº 8. Rue Courbet Quinhon

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

— 214, Hàng Bông, Hanoi —

SÁCH MỚI

NGHỀ THẦY

của HOÀNG ĐẠO THÚY

Nghệ thuật làm thầy, làm cha mẹ, làm huynh-
trưởng. Kim chỉ nam của tất cả những bậc
phụ huynh lo lắng vì việc giáo dục thiếu niên
190 trang — Giá 3\$00

CÒN RẤT ÍT

NGUYỄN TUÂN

VANG BÓNG MỘT THỜI 5\$00

THANH TỊNH

NGÂM NGẢI TÌM TRĂM 2\$00

ĐANG IN

HƠI THỞ TÀN (NGUYỄN HỒNG)

TRƯỜNG CA (XUÂN DIỆU)

LỖ TẮN (ĐẶNG THÁI MẠI)

Đã có bán

BÔNG TIỀN HAI MẶT

Truyện thực rất cảm động

Hai cuốn trọn bộ, Giá 2\$50 + 2\$60

của NGUYỄN KHẮC MẦN

Đang in

CON TRỜI NGÃ XUỐNG ĐẤT ĐEN

Viết sử giai thoại của ĐÀO TRINH NHẬT

ANH THƯ ĐỜI MẠC

Lịch sử Tiểu thuyết của CHU THIÊN

LÒNG CHA

Chô dục Tiểu thuyết

của NGUYỄN KHẮC MẦN

Còn một ít

HẠN NAM QUAN

của HOÀNG CẨM

TRE THƠ và THƠ

NG. ĐỨC CHÍNH

TARZAN NGƯỜI KHỈ

của TỰ CƯỜNG

(Loại giải trí)

Giá 3\$25

Nhà xuất-bản NGƯỜI ĐÓN PHƯƠNG

Giám - đốc; ĐỖ XUÂN GIỮNG

6, phố Đường Thành — Giảng nói : 212 Hanoi.

HANOI — NHÀ SÁCH LỬA HỒNG - 92 SINH TỬ

Đã phát hành

DÔNG VONG IV

Tập bài hát lịch-sử và Thanh-niên của
Hoàng Quý, Lưu hữu Phước, Nguyễn
thành Nguyên, Mai văn Bộ, Văn Cao...

Giấy thượng - hạng Giá 1\$00

SỨC SỐNG DÂN VIỆT-NAM

Ba cuộc nói chuyện của Đặng ngọc Tốt,
Dương đức Hiền, Nguyễn đình Thi
Trong Tổng Hội Sinh Viên. Giá 1\$50

Đón mua

DÔNG VONG I, II, III

— (IN LẦN THỨ MẠI)